

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG
NĂM 2010**

Hà Nội, tháng 09 năm 2010

TỔNG QUAN

Ngày 12 tháng 7 năm 2010, Quyết định số 1073/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 – 2015 (sau đây gọi tắt là Quyết định 1073) đã được ban hành. Kế hoạch tổng thể đặt ra mục tiêu tổng quát: “Thương mại điện tử được sử dụng phổ biến và đạt mức tiên tiến trong các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Kế hoạch tổng thể đã ưu tiên việc phát triển nguồn nhân lực về TMDT, coi đây là một trong những giải pháp quan trọng nhất để đạt được mục tiêu trên.

Kế thừa những thành tựu đã đạt được từ việc thực hiện Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2006 – 2010, nội dung phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn 05 năm sắp tới tập trung vào hai nội dung chủ yếu là phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích của TMDT và đẩy mạnh đào tạo chính quy về TMDT.

Ngày 01 tháng 6 năm 2009, Quyết định số 698/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 đã được ban hành, trong đó nhiều giải pháp để nâng cao về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực CNTT Việt Nam. Theo Quyết định của Thủ tướng, mục tiêu đến năm 2015 có khoảng 30% số lượng sinh viên CNTT, điện tử, viễn thông sau khi tốt nghiệp ở các trường đại học có đủ khả năng chuyên môn và ngoại ngữ để có thể tham gia thị trường lao động quốc tế; ở các trường đại học, cao đẳng bảo đảm đạt tỷ lệ trung bình 15 – 20 sinh viên/giảng viên trong đào tạo CNTT; 70% số giảng viên CNTT ở đại học và trên 50% giảng viên CNTT ở cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên; tăng nhanh số giảng viên có trình độ tiến sĩ; đến năm 2015, cung cấp cho các doanh nghiệp 250.000 lao động chuyên môn về CNTT, điện tử, viễn thông có trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp và sơ cấp nghề (đào tạo 1 năm) trở lên, trong đó có 50% lao động có trình độ cao đẳng, đại học và 5% có trình độ thạc sĩ trở lên.v.v..

Một trong những nhân tố quan trọng để đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực TMDT trên cơ sở huy động nguồn lực của toàn xã hội là xây dựng một xã hội học tập được đào tạo liên tục, tự học, thường xuyên trau dồi kỹ năng, kiến thức, phát triển trí tuệ và sự sáng tạo. Với sự phát triển nhanh chóng của CNTT và truyền thông, đào tạo trực tuyến đã ra đời mở ra một kỷ nguyên mới cho lĩnh vực giáo dục đào tạo và đem lại những lợi ích to lớn cho các chủ thể tham gia. Do đó, ứng dụng đào tạo trực tuyến trong hoạt động đào tạo TMDT theo hướng khuyến khích các tổ chức đầu tư, phát triển công nghệ đào tạo trực tuyến, hỗ trợ các trường đại học và doanh nghiệp liên kết trong việc thiết kế nội dung, giáo trình đào tạo trực tuyến, hỗ trợ về vốn và các ưu đãi về thuế.v.v.. là những phương hướng mới được đề ra trong Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử trong giai đoạn 2011 – 2015.

Trong giai đoạn 2008 – 2010, căn cứ những khuyến nghị được nêu tại Báo cáo tình hình đào tạo TMĐT tại các trường đại học, cao đẳng năm 2008, Cục TMĐT&CNTT đã phối hợp với các cơ quan Bộ, ngành và cơ sở đào tạo triển khai nhiều chương trình hoạt động. Trong công tác phối hợp cùng Vụ Giáo dục Đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo, hai cơ quan đã thống nhất lộ trình triển khai hoạt động với mục tiêu hướng tới mở rộng việc xây dựng chuyên ngành TMĐT tại một số trường và ban hành khung chương trình đào tạo TMĐT trình độ đại học, cao đẳng. Một số hoạt động khác được tích cực triển khai như hoạt động tăng cường phổ biến thông tin, chính sách pháp luật về TMĐT tại các trường; tổ chức Hội thảo, Tọa đàm chuyên môn về giảng dạy TMĐT; mời chuyên gia nước ngoài và doanh nhân từ các công ty TMĐT chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh thực tế v.v... Ngoài ra, Cục TMĐT& CNTT cũng tích cực trong công tác hỗ trợ nguồn lực giảng dạy cho các trường. Trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về TMĐT, Cục đã tích cực thu thập nguồn tài liệu nước ngoài và giới thiệu để giảng viên TMĐT tham khảo; thêm vào đó là các hoạt động tổ chức nghiên cứu khoa học, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho sinh viên, học viên cao học và luận án của nghiên cứu sinh. Trong nội dung chi tiết của Báo cáo, những hoạt động nêu trên sẽ được phân tích và trình bày cụ thể hơn tại Phần II và III.

Với mục tiêu đánh giá thực tiễn tình hình đào tạo chính quy TMĐT tại Việt Nam, trong năm 2010, Cục TMĐT& CNTT tiến hành điều tra khảo sát tại các trường đại học và cao đẳng trên toàn quốc. Từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2010, Cục TMĐT& CNTT đã gửi phiếu điều tra tình hình đào tạo thương mại điện tử tới 250 trường đại học và cao đẳng trên phạm vi toàn quốc và đã nhận được trả lời của 125 trường. Ngoài phiếu điều tra, Cục đã tiến hành điều tra thông qua khảo sát các trang thông tin điện tử, phỏng vấn qua thư điện tử và phỏng vấn trực tiếp. Đối tượng của cuộc điều tra chủ yếu tập trung vào các trường trong lĩnh vực kinh tế và CNTT. Danh sách các trường gửi phiếu và tham gia khảo sát được nêu tại Phụ lục 1 của Báo cáo.

Trong số 125 trường trả lời, có tới 77 trường đã triển khai hoạt động đào tạo TMĐT, trong đó có 49 trường đại học và 28 trường cao đẳng. Về thời gian triển khai hoạt động đào tạo TMĐT, có 62 trường đã đưa TMĐT vào giảng dạy từ năm 2007 trở về trước. Từ năm 2008 đến năm 2010 có thêm 15 trường đưa TMĐT vào nội dung đào tạo của nhà trường.

Trong số 77 trường đã đào tạo TMĐT có 03 trường (chiếm 4%) đào tạo TMĐT cho bậc cao đẳng nghề, 52 trường đào tạo TMĐT cho bậc cao đẳng (chiếm 68%), 47 trường đào tạo TMĐT cho bậc đại học (chiếm 61%) và 08 trường đào tạo TMĐT cho bậc sau đại học (chiếm 10%).

Về tổ chức giảng dạy, trong số 49 trường đại học đã giảng dạy TMĐT, có 01 trường thành lập khoa TMĐT, 10 trường thành lập bộ môn TMĐT. Trong số 28 trường cao đẳng, có 01 trường thành lập khoa TMĐT, 04 trường thành lập bộ môn TMĐT. Như vậy trong số 77 trường đại học và cao đẳng đã dạy TMĐT, 02 trường đã thành lập khoa

TMĐT, 14 trường thành lập bộ môn TMĐT. Các trường còn lại cử giảng viên của trường hoặc mời giảng viên thỉnh giảng dạy môn học TMĐT.

Về giảng viên, số lượng giảng viên giảng dạy TMĐT tại các trường là 553 người (tăng đáng kể so với năm 2008 là 368 người). Tuy nhiên, chỉ có 19% trường có giảng viên được đào tạo chuyên ngành TMĐT, 94% trường có giảng viên ngành khác được bồi dưỡng thêm về TMĐT hoặc tự nghiên cứu để giảng dạy TMĐT.

Về giáo trình, trong số 77 trường đào tạo TMĐT, 78% trường sử dụng giáo trình do giáo viên tự biên soạn, 34% trường sử dụng giáo trình do trường biên soạn, 32% trường sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo trong nước khác và 19% trường sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo nước ngoài. Nguồn tài liệu tham khảo để biên soạn các giáo trình thương mại điện tử chủ yếu là nguồn tài liệu nước ngoài, trong nước và nguồn tài liệu do giảng viên tổng hợp.

So sánh kết quả khảo sát năm 2010 với năm 2008 có thể rút ra một số nhận định sau:

Về quy mô đào tạo:

Qua hai năm, quy mô đào tạo TMĐT đã tăng lên đáng kể. TMĐT được giảng dạy tại một số trường chủ yếu với vai trò là một môn học tự chọn hoặc bổ trợ. Đây là tín hiệu tích cực tạo nền tảng cơ bản cho việc nâng cao nhận thức về ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong 02 năm sắp tới, hầu hết các cơ sở đào tạo đều có kế hoạch xây dựng chuyên ngành TMĐT, số ít trường có kế hoạch xây dựng trong 05 năm. Như vậy, trên toàn quốc sẽ có thêm hàng chục trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc đào tạo chuyên ngành TMĐT với số lượng khoảng 1000 – 1500 sinh viên được đào tại chính quy. Đây sẽ là nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu của xã hội, đưa TMĐT ứng dụng rộng rãi trong đời sống xã hội và nền kinh tế.

Về chất lượng:

Hoạt động đào tạo TMĐT bắt đầu đi vào chiều sâu. Một số trường đã đầu tư và mời các chuyên gia trong và ngoài nước tư vấn xây dựng chương trình đào tạo cũng như chuyển giao tài liệu, phương pháp giảng dạy. Cùng với xu thế tăng cường và phát triển các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, một số môn học về TMĐT cũng nằm trong danh mục chương trình đào tạo của các trường đại học quốc tế tại Việt Nam và một số chương trình đào tạo sau đại học.

Về chương trình đào tạo:

Tại Việt Nam, chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng phải được xây dựng, phát triển dựa theo chương trình khung (nếu có) do Bộ GD-ĐT ban hành.¹ Đây là một trong những biện pháp nhằm quản lý chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng của nhà nước. Các cơ sở đào tạo căn cứ vào chương trình khung của khối ngành sẽ phát triển thành các ngành và chuyên ngành tương ứng. Đến nay, ngành Hệ thống thông tin kinh tế được xem là ngành học tương đối gần với TMĐT. Các môn học của ngành này có sự kết hợp chặt chẽ giữa Kinh tế, Toán, Khoa học máy tính, Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin kinh tế.v.v... Hướng đào tạo của TMĐT tập trung tới các môn học về kinh tế - thương mại trong đó cũng kết hợp một số môn công nghệ. Hiện tại, một số trường đã xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành TMĐT và đặt trong ngành Quản trị kinh doanh. Một số trường đặt TMĐT trong ngành Hệ thống thông tin kinh tế. Đây là quan điểm chuyên môn của mỗi cơ sở đào tạo căn cứ vào tình hình thực tiễn của trường. Vấn đề này chỉ đạt được sự thống nhất khi có quy định chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của chuyên ngành đào tạo mới.

Trên cơ sở tổng hợp toàn bộ kết quả cuộc điều tra khảo sát tình hình đào tạo TMĐT tại các trường đại học và cao đẳng trên phạm vi cả nước, Cục TMĐT&CNTT đề xuất một số định hướng sau:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong tầng lớp sinh viên về TMĐT và lợi ích của TMĐT trong đó bao gồm nội dung giáo dục pháp luật và hướng dẫn thực thi pháp luật về TMĐT.
2. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quản lý nhà nước của các Bộ, ngành chức năng trong việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi chính sách pháp luật trong lĩnh vực TMĐT tạo điều kiện cho công tác đào tạo nguồn nhân lực TMĐT và CNTT đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội. Trong giai đoạn 2011 – 2015, theo nội dung Quyết định 1073, Bộ Công Thương và Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hợp tác chặt chẽ nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Theo đó, Cục TMĐT&CNTT sẽ là cơ quan đầu mối triển khai các công việc cụ thể.
3. Tạo dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo, cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp. Thương mại điện tử là lĩnh vực gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, sáng tạo và vận dụng thực tế. Do đó, vấn đề gắn kết giữa nhu cầu đào tạo với thị trường, học tập với thực hành, gắn kết nghiên cứu với thực tập tại các doanh nghiệp sẽ quyết định chất lượng đào tạo. Ngoài ra, việc huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo sẽ giúp doanh nghiệp tìm được nguồn nhân lực phù hợp và các trường cũng giải quyết được một số khó khăn ban đầu trong việc bố trí nguồn lực giảng dạy và hướng dẫn thực hành.

¹ Trích điều 15 Điều lệ trường đại học được ban hành tại Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 và điều 18 Điều lệ trường cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, chuyển giao chương trình đào tạo tiên tiến, trao đổi chuyên gia. Để nhanh chóng theo kịp trình độ phát triển của thế giới và kịp thời cập nhật thông tin, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo TMĐT, một trong những giải pháp cần xem xét tới là tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm giảng dạy. Chương trình đào tạo, tài liệu giáo trình và giảng viên là những yếu tố cơ bản tạo cơ sở cho việc hình thành một khóa học hay chuyên ngành học mới. Do đó, các trường cần nghiên cứu, trao đổi chuyên gia và tham khảo chương trình đào tạo TMĐT từ các trường đại học nổi tiếng thế giới, từ đó, có những cải tiến về nội dung phù hợp với thực tiễn giảng dạy tại Việt Nam.

MỤC LỤC

TỔNG QUAN	i
PHẦN I: TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG	1
1. Khái quát chung	1
1.1 Quy mô đào tạo	1
1.2 Trình độ đào tạo	4
1.3 Phương thức đào tạo.....	5
2. Giảng viên.....	5
3. Chương trình đào tạo	7
3.1 Chuyên ngành TMĐT	7
3.2 Môn học TMĐT	9
3.3 Giao thoa chương trình.....	12
4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy	13
4.1 Giáo trình.....	13
4.2 Tài liệu tham khảo, biên soạn giáo trình	14
5. Thực hành và thực tập thương mại điện tử.....	16
5.1 Thực hành.....	16
5.2 Thực tập.....	17
PHẦN II: CÁC HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP, HỖ TRỢ THÚC ĐẨY ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....	19
1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh hoạt động đào tạo chính quy về thương mại điện tử.....	19
2. Tăng cường hoạt động liên kết đào tạo giữa các trường đại học, cao đẳng	20
3. Hỗ trợ giảng dạy thương mại điện tử.....	23
4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp.....	25
5. Xây dựng tư liệu chung phục vụ nghiên cứu và giảng dạy thương mại điện tử.....	27
PHẦN III: MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TIÊU BIỂU.....	29
1. Đại học Thương Mại.....	29
2. Đại học Ngoại Thương	33
3. Đại học Kinh tế Đà Nẵng.....	37
4. Một số chương trình đào tạo quốc tế tại Việt Nam	37
4.1 Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam	37
4.2 Chương trình liên kết đào tạo thạc sỹ Thiết kế Hệ thống Thông tin giữa Đại học Hà Nội và Đại học Central Lancashire (Vương quốc Anh)	39
KHUYẾN NGHỊ	40

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THAM GIA TRẢ LỜI PHIẾU ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	44
---	----

PHỤ LỤC 2

CÔNG VĂN VÀ PHIẾU ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	48
---	----

PHỤ LỤC 3

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	53
---	----

PHỤ LỤC 4

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ	59
--	----

PHỤ LỤC 5

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC CAO ĐẲNG NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ	69
---	----

PHỤ LỤC 6

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC CAO ĐẲNG NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	76
--	----

PHỤ LỤC 7

DANH MỤC MỘT SỐ TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI.....	82
--	----

MỤC LỤC BẢNG VÀ HÌNH

BẢNG

Bảng 1: Danh sách các trường đại học và cao đẳng đã đào tạo TMĐT	1
Bảng 2: Danh sách các trường giảng dạy TMĐT trong chương trình đào tạo	4
sau đại học	4
Bảng 3: Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Thương mại điện tử	8
Bảng 4: Danh sách các trường đại học thành lập khoa hoặc bộ môn TMĐT	9
Bảng 5: Danh sách các trường cao đẳng có khoa hoặc bộ môn TMĐT	10
Bảng 6: Danh mục một số môn học về TMĐT	10
Bảng 7: Số lượng các môn học TMĐT chia theo nhóm	11
Bảng 8: Chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học quản lý - ngành Hệ thống thông tin kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	13
Bảng 9: Một số phân tích cơ bản về kết cấu giáo trình, tài liệu TMĐT	15
Bảng 10: Danh sách các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành TMĐT tại Đại học Ngoại thương	35
Bảng 11: Chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại và Cử nhân kinh doanh tại Đại học RMIT Việt Nam	38

HÌNH

Hình 1: Số trường đào tạo thương mại điện tử so sánh giữa năm 2008 và 2010	3
Hình 2: Tỷ lệ các trường đào tạo TMĐT theo trình độ	4
Hình 3: Tỷ lệ trình độ giảng viên đào tạo TMĐT	6
Hình 4: Mức độ phụ thuộc vào các nguồn tài liệu	15
Hình 5: Hội thảo quốc tế “Thương mại điện tử và Phát triển nguồn nhân lực”	21
Hình 6: Buổi làm việc với cơ quan Giáo dục và Đào tạo bang Queensland (Australia)	22
Hình 7: Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Cục TMĐT&CNTT và Viện CNTT&TT - Đại học Bách Khoa Hà Nội	22
Hình 8: Đoàn công tác tới thăm và làm việc tại	23
trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	23
Hình 9: Đoàn công tác của Cục TMĐT&CNTT làm việc tại	24
Khoa CNTT – Đại học Thái Nguyên (tháng 8/2010)	24
Hình 10: Khóa tập huấn TMĐT do VECOM phối hợp với	26
Cục TMĐT&CNTT tổ chức	26
Hình 11: Mục Tư liệu tại website của Cục TMĐT&CNTT	28
Hình 12: Khoa Thương mại điện tử - Trường Đại học Thương Mại	30
Hình 13: Lễ bế giảng Khóa 42 Khoa Thương mại điện tử - Trường Đại học Thương Mại	32

Hình 14: Hội thảo giới thiệu chương trình đào tạo TMĐT do Đại học California State Fullerton (Hoa Kỳ) tư vấn cho Đại học Ngoại Thương	33
---	----

MỤC LỤC HỘP

Hộp 1: Ứng dụng đào tạo trực tuyến tại trường Đại học Ngoại Thương	5
Hộp 2: Các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Thương mại tại trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	11
Hộp 3: Giảng dạy pháp luật TMĐT tại trường Đại học Thương Mại	14
Hộp 4: Một số phần mềm mô phỏng hỗ trợ đào tạo TMĐT.....	16
Hộp 5: Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Hoà Bình (PeaceSoft)	17
Hộp 6: Nội dung về phát triển nguồn nhân lực TMĐT tại Quyết định 1073	19
Hộp 7: Chương trình đào tạo thạc sỹ Công nghệ thông tin phối hợp giữa Đại học	39
Hà Nội và Đại học UCLan (Vương quốc Anh)	39

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADSL	Đường dây thuê bao số bất đối xứng (Asymmetric Digital Subscriber Line)
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
B2B	Giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (Business-to-business)
B2C	Giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với cá nhân (Business-to-consumer)
B2G	Giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với chính phủ (Business-to-government)
CNTT	Công nghệ thông tin
CNTT&TT	Công nghệ thông tin và Truyền thông
CRM	Quản lý quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)
CSD	Hệ thống khai báo hải quan điện tử (Customs Declaration System)
CSUF	Trường Đại học California State University, Fullerton – Hoa Kỳ
ĐVHT	Đơn vị học trình
ERP	Giải pháp hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resources Planning)
ESN	Hệ thống mạng xã hội doanh nghiệp
NXB	Nhà xuất bản
QTKD	Quản trị kinh doanh
SCM	Quản lý chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)
SQL	Ngôn ngữ truy vấn mang tính cấu trúc (Structured Query Language)
TMĐT	Thương mại điện tử

PHẦN I

TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

1. Khái quát chung

Từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2010, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương đã tiến hành điều tra tình hình đào tạo TMĐT tại 250 trường đại học và cao đẳng trên phạm vi toàn quốc và nhận được trả lời của 125 trường. Đối tượng của cuộc điều tra chủ yếu tập trung vào các trường đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế và CNTT.

Nội dung của cuộc khảo sát bao gồm một số nội dung liên quan đến hiện trạng đào tạo TMĐT, kế hoạch đào tạo trong những năm tiếp theo và đề xuất nhằm đẩy mạnh đào tạo TMĐT tại trường.

1.1 Quy mô đào tạo

Trong số 125 trường trả lời, có tới 77 trường đã triển khai hoạt động đào tạo thương mại điện tử, trong đó có 49 trường đại học và 28 trường cao đẳng.

Bảng 1: Danh sách các trường đại học và cao đẳng đã đào tạo TMĐT

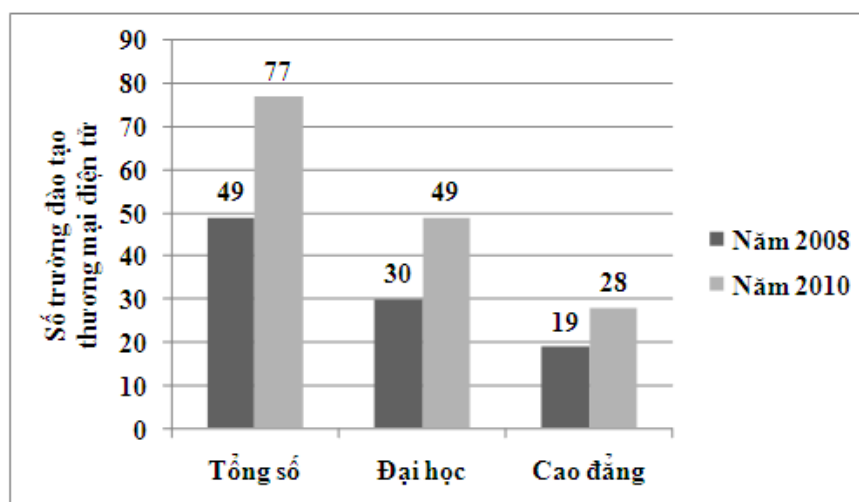
STT	Tên trường
1	Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên
2	Đại học An Giang
3	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
4	Đại học Bạc Liêu
5	Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
6	Đại học Bách khoa Hà Nội
7	Đại học Cần Thơ
8	Đại học Công đoàn
9	Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
10	Đại học Công nghiệp Hà Nội
11	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
12	Đại học Cửu Long
13	Đại học Dân lập Duy Tân
14	Đại học Dân lập Phương Đông
15	Đại học Dân lập Văn Lang
16	Đại học Đồng Tháp
17	Đại học Hoa Sen
18	Đại học Hồng Đức
19	Đại học Huế (Khoa du lịch)

20	Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh
21	Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
22	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
23	Đại học Kinh tế - Đại học Huế
24	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
25	Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
26	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
27	Đại học Kinh tế Quốc dân
28	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ TP. Hồ Chí Minh
29	Đại học Yersin Đà Lạt
30	Đại học Luật Hà Nội
31	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh
32	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh
33	Đại học Ngoại Thương
34	Đại học Nông nghiệp Hà Nội
35	Đại học Phan Châu Trinh
36	Đại học Quảng Nam
37	Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
38	Đại học Sao Đỏ
39	Đại học Tài chính – Marketing
40	Đại học Tây Đô
41	Đại học Tây Nguyên
42	Đại học Thái Nguyên (Khoa Công nghệ Thông tin)
43	Đại học Thương Mại
44	Đại học Tiền Giang
45	Đại học Tôn Đức Thắng
46	Đại học Trà Vinh
47	Đại học Tư thục Công nghệ Thông tin Gia Định
48	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
49	Học viện Tài chính
50	Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ Công Thương Trung ương
51	Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận
52	Cao đẳng Công nghệ Hà Nội
53	Cao đẳng Công nghệ Thông tin - Đại học Đà Nẵng
54	Cao đẳng Công nghệ Thông tin Hữu Nghị Việt Hàn
55	Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi
56	Cao đẳng Công nghệ Viettronics
57	Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
58	Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
59	Cao đẳng Dân lập Công nghệ Thông tin TP. Hồ Chí Minh
60	Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng
61	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
62	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

63	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại
64	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long
65	Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại
66	Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Kon Tum
67	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thái Bình
68	Cao đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh
69	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Quảng Ngãi
70	Cao đẳng Kỹ thuật Khách sạn và Du lịch
71	Cao đẳng Lương thực Thực phẩm
72	Cao đẳng Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex
73	Cao đẳng Nguyễn Tất Thành
74	Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị
75	Cao đẳng Tài chính Hải quan
76	Cao đẳng Tài chính Kế toán
77	Cao đẳng Thương Mại

Về tổ chức giảng dạy, trong số 49 trường đại học đã giảng dạy TMĐT, có 01 trường thành lập khoa TMĐT, 10 trường thành lập bộ môn TMĐT còn lại phần lớn giảng viên giảng dạy TMĐT được bố trí vào những bộ môn khác, hoặc là giảng viên thỉnh giảng được mời. Như vậy, so với năm 2008, số trường đại học thành lập khoa TMĐT không đổi, số trường thành lập bộ môn TMĐT tăng thêm 02 trường.

Hình 1: Số trường đào tạo thương mại điện tử so sánh giữa năm 2008 và 2010

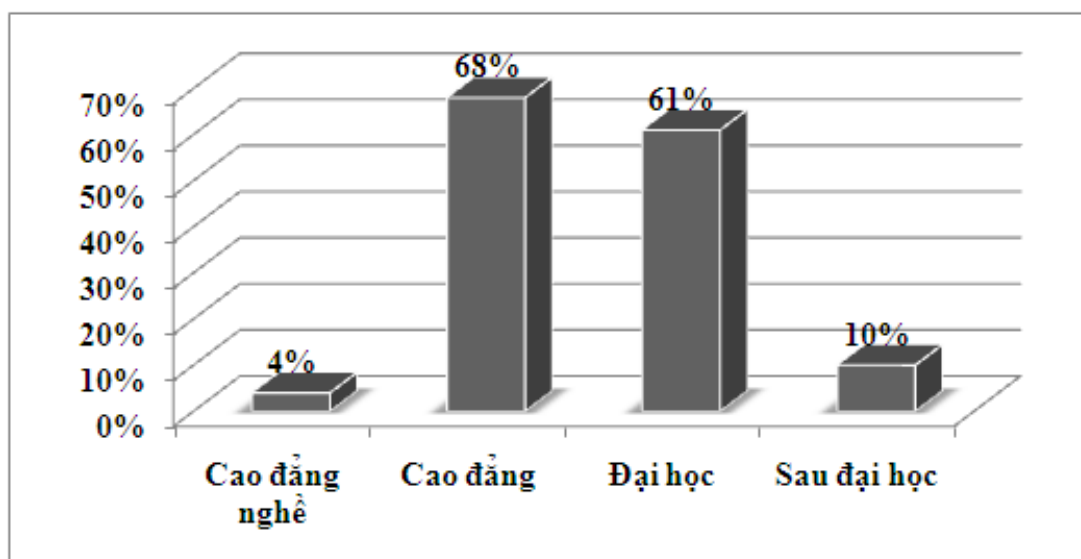


Trong số 28 trường cao đẳng, có 01 trường thành lập khoa TMĐT, 04 trường thành lập bộ môn TMĐT dưới sự phụ trách của các khoa thuộc lĩnh vực kinh tế hoặc CNTT. Còn lại phần lớn các trường cao đẳng, giảng viên giảng dạy TMĐT được bố trí vào những bộ môn khác, hoặc là giảng viên thỉnh giảng. Như vậy, so với năm 2008, số trường cao đẳng thành lập khoa TMĐT là không đổi và thành lập bộ môn TMĐT tăng lên 01 trường.

1.2 Trình độ đào tạo

Kết quả điều tra cho thấy, trong số các trường đã đào tạo TMĐT có 03 trường (chiếm 4%) đào tạo TMĐT cho bậc cao đẳng nghề, 52 trường đào tạo TMĐT cho bậc cao đẳng (chiếm 68%), 47 trường đào tạo TMĐT cho bậc đại học (chiếm 61%) và 08 trường đào tạo TMĐT cho bậc sau đại học (chiếm 10%).

Hình 2: Tỷ lệ các trường đào tạo TMĐT theo trình độ



**Tổng tỷ lệ các trường đào tạo TMĐT theo trình độ lớn hơn 100% do các trường cao đẳng có thể đào tạo bậc cao đẳng và cao đẳng nghề, các trường đại học có thể đào tạo cả 4 cấp độ.*

Một điểm nhấn đáng lưu ý trong thời gian vừa qua là TMĐT đã được đưa vào chương trình đào tạo sau đại học của một số chuyên ngành như Quản trị kinh doanh, Thương mại.v.v..

Bảng 2: Danh sách các trường giảng dạy TMĐT trong chương trình đào tạo sau đại học

STT	Tên trường
1	Đại học Bách khoa Hà Nội
2	Đại học Kinh tế Quốc dân
3	Đại học Thương Mại
4	Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
5	Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
6	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
7	Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
8	Đại học Cửu Long

1.3 Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo TMĐT chủ yếu hiện nay vẫn là phương thức giảng dạy và học tập tập trung trên lớp. Tuy nhiên, có một số trường bắt đầu áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến vào công tác giảng dạy và học tập TMĐT. Cũng theo kết quả khảo sát, đã có 09 trường (chiếm 12%) đã áp dụng phương thức tập trung kết hợp với trực tuyến để đào tạo một số môn học về TMĐT. Thông qua phương thức này, ngoài việc giảng dạy và học tập trên lớp, giảng viên có thể đưa giáo trình, bài giảng, nội dung kiểm tra lên mạng để sinh viên tự nghiên cứu và tham khảo trước hoặc ôn tập lại bất kỳ lúc nào. Nhờ phương thức này mà việc giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên có hiệu quả hơn.

Hộp 1: Ứng dụng đào tạo trực tuyến tại trường Đại học Ngoại Thương

Trường Đại học Ngoại Thương xây dựng hệ thống e-Learning dựa trên các giải pháp mã nguồn mở. Quá trình xây dựng hệ thống bắt đầu từ năm 2005 và hoàn thành đưa vào sử dụng thử nghiệm từ năm 2007. Những môn học đầu tiên được triển khai trực tuyến gồm: Thương mại điện tử, Marketing điện tử... Hiện nay, TMĐT được giảng dạy chủ yếu qua mạng tại địa chỉ <http://elearning.ftu.edu.vn>. Sinh viên có thể theo dõi toàn bộ bài giảng và làm các bài kiểm tra kết thúc chuyên đề. Giảng viên căn cứ vào kết quả bài kiểm tra và chuyên cần của sinh viên để chấm điểm xếp loại. Trong mỗi bài giảng, hệ thống cho phép tích hợp nhiều loại hình bài giảng gồm âm thanh, hình ảnh, bài trình chiếu... Tiến bộ công nghệ đã giúp cho việc giảng dạy và tiếp thu bài giảng thêm phong phú, sinh động, thu hút sự quan tâm của sinh viên.

Nguồn: Bộ môn TMĐT – trường Đại học Ngoại Thương

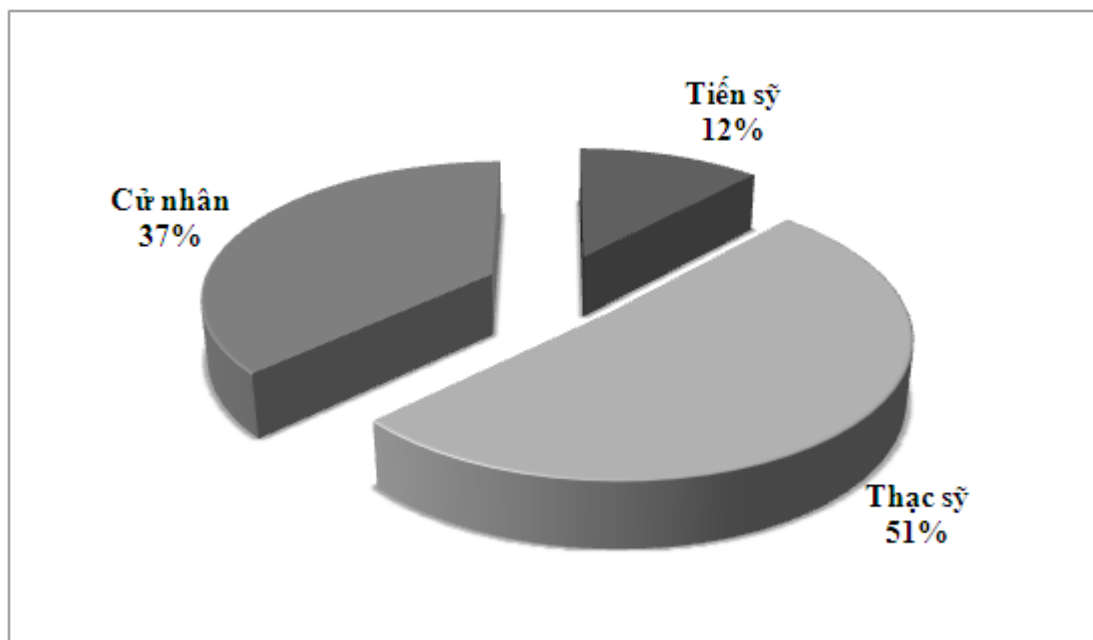
2. Giảng viên

Vấn đề xây dựng đội ngũ giảng viên TMĐT giỏi chuyên môn, nắm vững quy trình triển khai thực tiễn và tâm huyết với nghề nghiệp được xem là khâu quyết định chất lượng đào tạo TMĐT. Sau khoảng thời gian 4 - 5 năm kể từ khi TMĐT được bắt đầu giảng dạy thí điểm tại một số cơ sở đào tạo tại Việt Nam, đến nay đã hình thành đội ngũ giảng viên giảng dạy TMĐT khá đông đảo.

Theo kết quả của cuộc khảo sát, trong các trường đã giảng dạy thương mại điện tử, có tổng cộng 553 giảng viên tham gia giảng dạy các môn học liên quan đến lĩnh vực này. So với năm 2008, số lượng giảng viên tăng từ 368 lên 553 người. Tuy số lượng giảng viên tăng lên tới 185 người nhưng tỷ lệ các trường có giảng viên được đào tạo chuyên ngành thương mại điện tử tăng không nhiều, tăng từ 15% năm 2008 lên 19% năm 2010. Phần lớn giảng viên giảng dạy các môn liên quan đến TMĐT đều là các giảng viên chuyên ngành khác được bồi dưỡng thêm về TMĐT hoặc tự nghiên cứu để giảng dạy TMĐT.

Về trình độ giảng viên thương mại điện tử, trong số 553 giảng viên giảng viên tham gia giảng dạy TMĐT, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ là 12%, trình độ thạc sỹ là 51%, trình độ cử nhân là 37%.

Hình 3: Tỷ lệ trình độ giảng viên đào tạo TMĐT



Đến nay, hầu hết các trường có giảng dạy TMĐT đã bố trí giảng viên cơ hữu giảng dạy TMĐT, tuy số lượng còn khá khiêm tốn. Một số trường đã thành lập bộ môn TMĐT với số lượng giảng viên khá quy mô từ 6-10 giảng viên. Ngoài ra, việc nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên TMĐT cũng được quan tâm và đầu tư đúng mức. Hầu hết giảng viên TMĐT hiện nay chuyển từ các chuyên ngành khác sang, tuy nhiên các thầy cô giáo đều tích cực tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức phục vụ công tác. Một số thầy cô đã tìm kiếm các nguồn học bổng nước ngoài và từ Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo học các khóa học thạc sỹ và tiến sỹ về TMĐT tại các nước tiên tiến trên thế giới.

Tuy đội ngũ giảng viên giảng dạy TMĐT tăng về mặt số lượng, chất lượng nhưng việc phát triển đội ngũ này tại các trường gặp một số khó khăn. Do TMĐT là lĩnh vực liên ngành kinh tế và CNTT nên đòi hỏi giảng viên cần có kiến thức tổng hợp cả hai ngành trên. Với thực tiễn ứng dụng CNTT phát triển mạnh mẽ kéo theo sự phát triển của TMĐT đòi hỏi giảng viên phải liên tục cập nhật kiến thức cũng như nghiên cứu phương pháp giảng dạy phù hợp.

3. Chương trình đào tạo

3.1 Chuyên ngành TMĐT

Trong giai đoạn hai năm 2009 – 2010, cùng với xu hướng phát triển mạnh mẽ của giáo dục đại học, nhiều chuyên ngành đào tạo mới đã bước đầu được đưa vào giảng dạy tại các trường, trong đó có chuyên ngành TMĐT.

Tham khảo cách phân ngành tại các trường đại học trên thế giới, TMĐT được đặt trong danh mục của ngành QTKD. Ngoài ra, TMĐT còn một nhánh khác với tên gọi thông thường là Hệ thống thông tin quản lý.

Đến cuối năm 2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình khung của một số ngành trong khối ngành kinh tế – quản trị kinh doanh trong đó đã ban hành chương trình khung ngành Hệ thống thông tin kinh tế và ngành QTKD trình độ đại học và cao đẳng (Tham khảo từ Phụ lục 3 đến Phụ lục 6).

Một số vấn đề các trường gặp trở ngại trong việc thành lập chuyên ngành TMĐT, đó là nguồn nhân lực giảng viên và các yêu cầu chuyên môn. Các nội dung tiếp theo trong báo cáo sẽ lần lượt phân tích và đề xuất các giải pháp cho vấn đề này.

Khối các trường cao đẳng chính quy và cao đẳng nghề khá nhanh nhạy trong việc nắm bắt nhu cầu đào tạo nghề Thực hành Quản trị TMĐT. Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Công Thương, sự đầu tư kinh phí của Tổng cục Dạy nghề – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, chương trình khung đào tạo nghề TMĐT, trình độ cao đẳng theo Kế hoạch chiến lược phát triển đào tạo nghề của Tổng cục Dạy nghề giai đoạn 2007 – 2010 đã được nghiên cứu xây dựng. Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ Công Thương Trung ương được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện.

Chương trình khung đào tạo nghề TMĐT được xây dựng trên cơ sở của việc phân tích nghề, phân tích công việc để xây dựng bộ tiêu chuẩn kỹ năng cần thiết của người làm nghề TMĐT và đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành tại Thông tư số 26/2009/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2009.

Mục tiêu đào tạo của chương trình khung đào tạo nghề TMĐT trình độ cao đẳng là nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật làm việc trong lĩnh vực TMĐT. Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng độc lập thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh về thương mại điện tử, có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm; vận dụng được những kiến thức kinh doanh thương mại, kiến thức công nghệ thông tin, kiến thức pháp luật để thực hiện công việc; có khả năng sáng tạo, ứng dụng các công nghệ để giải quyết các tình huống kỹ thuật phức tạp trong nghiệp vụ của mình; phát hiện, giải quyết kịp thời các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin trên mạng.

Người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng nghề TMĐT có thể làm việc tại các doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế. Số lượng các môn học bắt buộc trong chương trình khung là 26 môn học và 11 môn học tự chọn (tương đương 680 giờ) dành cho các cơ sở đào tạo tự xây dựng chương trình dạy nghề TMĐT của cơ sở mình theo đặc thù ngành nghề và vùng, miền. Với thời gian học bắt buộc là 2620 giờ; Thời gian tự học là 680 giờ, tỷ lệ thời gian học thực hành là 65% (lý thuyết 1156 giờ, thực hành 2144 giờ).

Bảng 3: Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Thương mại điện tử

Mã	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	215	210	25
MH01	Chính trị	90	60	24	6
MH02	Pháp luật	30	21	7	2
MH03	Tiếng Anh cơ bản	120	54	60	6
MH04	Tin học	75	17	54	4
MH05	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH06	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	59	13	3
<i>II</i>	<i>Các môn học đào tạo nghề bắt buộc</i>	2620	860	1618	142
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở nghề	645	362	226	57
MH07	Kinh tế vi mô	60	45	12	3
MH08	Kinh tế thương mại	45	42		3
MH09	Thương mại điện tử căn bản	60	45	12	3
MH10	Pháp luật thương mại điện tử	60	40	17	3
MH11	Mạng máy tính	60	40	17	3
MH12	Tài chính - Ngân hàng	60	45	11	4
MH13	Marketing điện tử	90	45	39	6
MĐ14	Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ họa	135	15	92	28
MH15	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	75	45	26	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1975	498	1392	85
MĐ16	Tiếng Anh thương mại	320	100	210	10
MH17	Thư tín thương mại	120	60	54	6
MĐ18	Thực hành mạng và quản trị mạng	240		240	
MH19	Kỹ thuật nghiệp vụ thương mại	90	60	25	5

MH20	Thanh toán điện tử	75	45	26	4
MH21	Nghệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong TMĐT	75	45	26	4
MH22	Khai báo hải quan điện tử	90	60	28	2
MĐ23	Thiết kế và quản trị website thương mại	210	75	103	32
MH24	An ninh mạng và chữ ký số	75	53	20	2
MĐ25	Thực hành giao dịch B2B, B2C, C2C	280		260	20
MH26	Thực tập tốt nghiệp	400		400	
	Tổng cộng:	3070	1075	1828	167

Nguồn: Trích Thông tư số 26/2009/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

3.2 Môn học TMĐT

Theo kết quả khảo sát năm 2010, phần lớn các trường giảng dạy TMĐT dưới hình thức môn học bắt buộc hoặc tự chọn cho một số ngành học liên quan đến kinh tế hoặc CNTT. Theo kết quả khảo sát có đến 70 trường trong tổng số 77 trường (chiếm 91%) đang giảng dạy TMĐT dưới hình thức môn học. Mục tiêu chính của các trường khi đưa môn học này vào giảng dạy tại các chuyên ngành liên quan đến kinh tế và CNTT là trang bị những kiến thức cơ bản về TMĐT và mối liên hệ chặt chẽ giữa TMĐT và chuyên ngành sinh viên đang theo học. Tùy theo yêu cầu chuyên môn của từng chuyên ngành mà môn học TMĐT tại các trường có tên gọi và nội dung đáp ứng các mục tiêu đề ra.

Bảng 4: Danh sách các trường đại học thành lập khoa hoặc bộ môn TMĐT

STT	Tên trường	Tổ chức
1	Đại học Thương Mại	Khoa TMĐT
2	Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Bộ môn TMĐT
3	Học viện Tài chính	Bộ môn TMĐT
4	Đại học Ngoại Thương	Bộ môn TMĐT
5	Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Bộ môn TMĐT
6	Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Bộ môn TMĐT
7	Đại học An Giang	Bộ môn TMĐT
8	Đại học Tài chính - Marketing	Bộ môn TMĐT
9	Đại học Tôn Đức Thắng	Bộ môn TMĐT
10	Đại học Tây Nguyên	Bộ môn TMĐT
11	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Bộ môn TMĐT

Trong số 26 trường cao đẳng, có 01 trường thành lập khoa TMĐT, 04 trường thành lập bộ môn TMĐT dưới sự phụ trách của các khoa thuộc lĩnh vực kinh tế hoặc CNTT.

Bảng 5: Danh sách các trường cao đẳng có khoa hoặc bộ môn TMĐT

STT	Tên trường	Tổ chức
1	Cao đẳng Công nghệ Thông tin Hữu Nghị Việt – Hàn	Khoa TMĐT
2	Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Bộ môn TMĐT
3	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum	Bộ môn TMĐT
4	Cao đẳng Dân lập Công nghệ Thông tin TP. Hồ Chí Minh	Bộ môn TMĐT
5	Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Bộ môn TMĐT

Với những trường đã thành lập bộ môn TMĐT, các môn học chuyên sâu đã bước đầu được thí điểm giảng dạy.

Bảng 6: Danh mục một số môn học về TMĐT

STT	Tên môn học	STT	Tên môn học
1	Thương mại điện tử căn bản	8	Quản trị hệ thống thông tin
2	Marketing điện tử (eMarketing)	9	Hệ thống mạng máy tính
3	Luật điều chỉnh TMĐT	10	Xây dựng website TMĐT
4	Quản trị TMĐT	11	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
5	Ứng dụng TMĐT trong tổ chức	12	Cơ sở dữ liệu căn bản
6	Chiến lược kinh doanh điện tử	13	Lập trình web căn bản
7	Quản trị dự án CNTT	14	An toàn, an ninh thông tin trong giao dịch điện tử

Có thể tạm chia các môn học về TMĐT thành hai nhóm môn học chính là nhóm kinh tế và nhóm công nghệ, trong đó nhóm kinh tế gồm các môn học cung cấp kiến thức về quản trị, kinh doanh, vận hành, tác nghiệp các giao dịch thương mại trong môi trường trực tuyến; nhóm công nghệ tập trung vào nội dung tạo lập cơ sở hạ tầng công nghệ hay môi trường trực tuyến để vận hành các giao dịch thương mại. Đây cũng được xem là hai cấu phần nội dung cơ bản tạo nên hai xu hướng đào tạo TMĐT tại các trường. Mỗi trường căn cứ vào nguồn lực và thế mạnh trong đào tạo để xây dựng chương trình giảng dạy TMĐT phù hợp với tình hình. Tiếp tục phân tích về kết cấu các môn học TMĐT, kết quả điều tra khảo sát cho thấy nhóm môn học công nghệ và kinh tế chiếm tỷ lệ trung bình 60/40 trong chương trình giảng dạy của các trường. Đây chỉ là số liệu tương đối và chưa đủ căn cứ để rút ra bất cứ nhận định nào. Căn cứ vào tình hình thực tiễn giảng dạy CNTT và Hệ thống thông tin kinh tế, hai ngành học được phát triển và phổ biến tại Việt Nam trong thời gian khoảng 15 năm gần đây, xu thế xây dựng chương trình đào tạo TMĐT với các môn học liên quan tới công nghệ là điều có thể lý giải được.

Tham khảo chương trình đào tạo của một số nước như Hoa Kỳ, Canada, Australia (đã nêu tại phần I – Báo cáo tình hình đào tạo TMĐT tại các trường đại học và cao đẳng

năm 2008) và so sánh với danh mục một số môn học về TMĐT tại Việt Nam (Bảng 6), có thể tạm thời rút ra số liệu tổng hợp như sau:

Bảng 7: Số lượng các môn học TMĐT chia theo nhóm

Quốc gia	Số lượng môn học về kinh tế	Số lượng môn học về công nghệ
Việt Nam	6/14	8/14
Hoa Kỳ	4/11	7/11
Canada	5/10	5/10
Australia	5/9	4/9

Cũng qua khảo sát năm 2010, kết quả cho thấy TMĐT bước đầu được đưa vào chương trình đào tạo sau đại học tại một số cơ sở đào tạo trong nước và liên kết đào tạo quốc tế. Đây là tín hiệu đáng mừng bởi TMĐT đã được nhìn nhận là xu thế tất yếu của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh – thương mại thời kỳ mới.

Hộp 2: Các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Thương mại tại trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

1. Quản trị kinh doanh toàn cầu: 3 ĐVHT (45 tiết)
2. Marketing Quốc tế: 3 ĐVHT (45 tiết)
3. Thương mại điện tử: 2 ĐVHT (30 tiết)
4. Giao tiếp trong kinh doanh: 2 ĐVHT (30 tiết)
5. Quản trị thương hiệu: 2 ĐVHT (30 tiết)
6. Quản trị xuất nhập khẩu: 3 ĐVHT (45 tiết)
7. Quản trị tài chính quốc tế: 3 ĐVHT (45 tiết)
8. Đầu tư quốc tế: 3 ĐVHT (45 tiết)
9. Quản trị kinh doanh dịch vụ 2 ĐVHT (30 tiết)

Nguồn: <http://www.sdh.ueh.edu.vn/sdh/default.aspx?id=chuyennganh>

Như đã phân tích trong những nội dung trước, TMĐT là lĩnh vực kết hợp của hai ngành CNTT và kinh tế, do đó, sẽ bao gồm một số môn học thuộc hai ngành học này. Qua kết quả khảo sát, việc thành lập bộ môn TMĐT phụ trách việc giảng dạy môn học TMĐT cơ bản và một số môn học liên quan hiện chưa phổ biến tại các trường. Tuy nhiên, một số môn học thuộc lĩnh vực TMĐT được nêu trong Bảng 6 hiện đang nằm trong một số bộ môn khác với những tên gọi như bộ môn Quản trị doanh nghiệp, bộ môn Thương mại quốc tế, bộ môn Quản trị hệ thống thông tin, bộ môn Công nghệ phần mềm v.v... Đây là những bộ môn cơ sở của các khoa CNTT, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Thương mại.v.v... tại các trường. Như vậy có thể nhận thấy, TMĐT đã xuất hiện và được giảng

dạy tại các trường dưới những hình thức, tên gọi khác nhau và nằm trong những hợp phần kiến thức chuyên môn của một số chuyên ngành. Điều này là phù hợp với xu hướng đào tạo trên thế giới và đặc trưng của lĩnh vực TMĐT.

Tuy nhiên, việc thành lập bộ môn chuyên về TMĐT cũng là một hướng đi mới cần được nghiên cứu, xem xét. Một là, việc thành lập riêng bộ môn TMĐT sẽ giúp cho việc hình thành đội ngũ giảng viên chuyên trách giảng dạy. Hai là thuận tiện cho việc xây dựng nội dung chương trình đào tạo, trong đó vừa có sự phối hợp giữa những hợp phần nội dung khác nhau của TMĐT, vừa giúp cho việc nghiên cứu chuyên sâu của giảng viên và sinh viên. Ba là, việc thành lập bộ môn TMĐT sẽ giúp cho việc định hướng đào tạo TMĐT theo hướng CNTT, kinh tế hay kết hợp. Việc định hướng này đóng vai trò quan trọng, là kim chỉ nam cho việc tiến tới thành lập chuyên ngành TMĐT tại trường. Mỗi cơ sở đào tạo sẽ căn cứ vào khả năng, thế mạnh và nguồn lực sẵn có của trường nhằm đưa ra hướng phát triển phù hợp cho việc đào tạo TMĐT.

Trong khi vấn đề thành lập bộ môn TMĐT đang được tiếp tục bàn thảo thì một số cơ sở đào tạo cũng đã quan tâm bố trí nhóm giảng viên kiêm nhiệm giảng dạy môn học TMĐT cơ bản. Đây là những nỗ lực đáng kể của nhà trường trong việc cung cấp môn học bổ trợ, tự chọn cho các chuyên ngành như kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng v.v...

Thời lượng giảng dạy các môn học về TMĐT kéo dài khoảng 2-3 tín chỉ trong đó thời lượng thực hành chiếm khoảng 25-40% tùy theo từng chuyên đề hay điều kiện cơ sở vật chất của trường.

3.3 Giao thoa chương trình

Tại Việt Nam hiện nay, TMĐT được giảng dạy chủ yếu trong chương trình đào tạo của hai ngành là QTKD và Hệ thống thông tin kinh tế. Hai ngành này đều nằm trong khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.²

Trong chương trình khung của ngành QTKD trình độ cao đẳng, môn học TMĐT được xuất hiện dưới tên gọi một số môn học như Tin học ứng dụng trong kinh doanh trong phần kiến thức cơ sở khối ngành và ngành. Thời lượng môn học là 4 ĐVHT.

Trong chương trình khung của ngành Hệ thống thông tin kinh tế trình độ đại học, hai môn học có liên quan mật thiết tới lĩnh vực TMĐT là Hệ thống thông tin quản lý và Phát triển hệ thống thông tin kinh tế đều trong danh mục khối kiến thức cơ sở và kiến thức ngành.

² Trích Quyết định số 23//2004/ QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành kinh tế- quản trị kinh doanh trình độ đại học, cao đẳng.

Cho đến nay, môn học TMĐT cơ bản chưa chính thức nằm trong chương trình khung của các ngành QTKD và Hệ thống thông tin kinh tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo đã vận dụng chương trình khung của Bộ GD-ĐT để bổ sung một số môn học trong chương trình đào tạo tại trường và đưa TMĐT vào chương trình kiến thức bổ trợ hoặc khối kiến thức tự chọn.

Bảng 8: Chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học quản lý - ngành Hệ thống thông tin kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng

Học phần chính	
1. Triết học Mác-Lênin 2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh 6. Xã hội học 7. Pháp luật đại cương 8. Luật kinh tế 9. Kinh tế ngành 10. Ngoại ngữ 11. Toán cao cấp 12. Lý thuyết xác suất và thống kê toán 13. Tin học đại cương 14. Phương pháp định lượng trong kinh tế 15. Giáo dục thể chất 16. Giáo dục quốc phòng 17. Kinh tế vi mô I 18. Kinh tế vĩ mô I 19. Nguyên lý kế toán 20. Quản trị học	21. Toán rời rạc 22. Kiến trúc máy tính và hệ điều hành 23. Hệ thống thông tin quản lý 24. Cơ sở lập trình 25. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 26. Cơ sở dữ liệu 27. Mạng và truyền thông 28. Phân tích và thiết kế hệ thống 29. Phát triển hệ thống thông tin kinh tế 30. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu I 31. Lập trình hướng đối tượng 32. Quản trị dự án phần mềm 33. Thương mại điện tử 34. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu II 35. Quản trị mạng 36. Nguyên lý thống kê kinh tế 37. Kinh tế lượng 38. Kế toán tài chính 39. Thống kê kinh tế 40. Tiếng Anh chuyên ngành
Học phần tự chọn	
41. Sửa chữa và bảo trì máy tính 42. Thiết kế Web	43. Phát triển kỹ năng quản trị 44. Điều tra chọn mẫu

Nguồn: <http://daotao.due.edu.vn>

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

Một trong những vấn đề cốt yếu, quyết định chất lượng đào tạo TMĐT đó là giáo trình, tài liệu giảng dạy TMĐT.

4.1 Giáo trình

Theo kết quả của cuộc khảo sát, trong số 49 trường đại học có giảng dạy TMĐT, 82% trường sử dụng giáo trình do giáo viên tự biên soạn, 35% số trường sử dụng giáo trình

do nhà trường tự biên soạn, 24% trường sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo của nước ngoài, 31% sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo trong nước khác.

Trong số 28 trường cao đẳng có giảng dạy TMĐT, 71% trường sử dụng giáo trình do giáo viên tự biên soạn, 32% số trường sử dụng giáo trình do nhà trường tự biên soạn, 11% trường sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo của nước ngoài, 36% sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo trong nước khác.

Một số cơ sở đào tạo chuyên ngành TMĐT có quy mô như trường Đại học Thương Mại, trường Đại học Ngoại Thương.v.v.. đã biên soạn giáo trình giảng dạy môn học TMĐT cơ bản và một số môn liên quan. Đây là nguồn tài liệu cơ bản, giúp cho giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng có giảng dạy thí điểm môn học TMĐT nghiên cứu, tham khảo phục vụ cho bài giảng. giáo trình do những trường này soạn ra đều có sự tham khảo chuyên sâu nhiều tài liệu uy tín của quốc tế và đang được nhiều trường đại học khác sử dụng để giảng dạy môn học TMĐT. Đặc biệt, trường Đại học Thương Mại đã xây dựng một hệ thống giáo trình dành riêng cho việc giảng dạy các môn học chuyên ngành Quản trị TMĐT của trường.

Môn học Luật Giao dịch điện tử thời lượng 2 tín chỉ cũng được giảng dạy trong chương trình đào tạo của chuyên ngành TMĐT và Luật kinh doanh tại một số trường như đại học Thương Mại, Đại học Luật Hà Nội.v.v..

Hộp 3: Giảng dạy pháp luật TMĐT tại trường Đại học Thương Mại

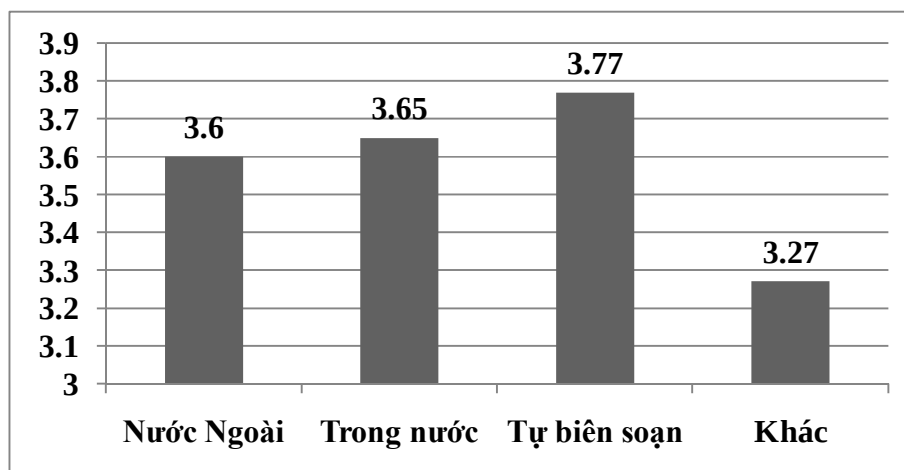
Môn học Pháp luật TMĐT hiện đang được giảng dạy cho sinh viên khoa TMĐT trường Đại học Thương Mại. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý về giao dịch thương mại qua các phương tiện điện tử, các chính sách, pháp luật Việt Nam về hoạt động kinh doanh thông qua mạng Internet và các phương tiện điện tử khác, qua đó sinh viên hiểu rõ hơn về TMĐT, vai trò của TMĐT trong thời đại thông tin. Nội dung pháp luật TMĐT được giảng dạy dưới hình thức các chuyên đề như Pháp luật TMĐT, Giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử...Trong chương trình giảng dạy, giảng viên thường xuyên cộng tác với các chuyên gia của Cục TMĐT&CNTT, cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT và mời chuyên gia thỉnh giảng các chuyên đề về thực tiễn tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các quy định pháp luật về TMĐT. Thông qua các bài trình bày của chuyên gia, sinh viên có điều kiện nắm bắt thêm thông tin về tình hình thực tiễn cũng như trao đổi chuyên môn cùng các chuyên gia.

Nguồn: Khoa Luật Thương Mại - Đại học Thương Mại

4.2 Tài liệu tham khảo, biên soạn giáo trình

Theo kết quả khảo sát, trong 77 trường đại học và cao đẳng đào tạo TMĐT có 68% trường sử dụng tài liệu của nước ngoài, 79% trường sử dụng tài liệu trong nước, 61% sử dụng tài liệu tự biên soạn, 23% sử dụng tài liệu từ các nguồn khác nhau. Phiếu điều tra cũng đã yêu cầu các trường đánh giá về mức độ phụ thuộc vào các nguồn tài liệu trên theo thang điểm 1 – 5 (1: Phụ thuộc ít, 5: Phụ thuộc nhiều). Số điểm về mức độ phụ thuộc vào các nguồn tài liệu lần lượt là: Tài liệu tự biên soạn 3,77; Tài liệu trong nước 3,65; Tài liệu nước ngoài 3,6; Tài liệu từ các nguồn khác 3,28.

Hình 4: Mức độ phụ thuộc vào các nguồn tài liệu



Đặc thù của TMĐT là cần cập nhật thông tin liên tục và gắn chặt với các hoạt động giao dịch thực tiễn trong và ngoài nước. Do đó, việc tăng cường nghiên cứu, tham khảo giáo trình, tài liệu giảng dạy nước ngoài là cần thiết và tiến hành thường xuyên. Qua khảo sát và trao đổi công tác chuyên môn tại các trường, phần lớn giảng viên dạy TMĐT đều ủng hộ quan điểm tăng cường bổ sung thông tin và nguồn tài liệu từ các cơ sở đào tạo nước ngoài.

Bảng 9: Một số phân tích cơ bản về kết cấu giáo trình, tài liệu TMĐT

Nội dung phân tích	Tài liệu nước ngoài	Tài liệu Việt Nam
Phân tổng quan	Ngắn gọn, súc tích.	Thường được diễn giải công phu.
Các khái niệm và định nghĩa	Thường được viết tại các mục dưới dạng đóng khung và có quan hệ logic với các mục khác khi khái niệm hoặc định nghĩa được nhắc lại; có đánh chỉ số, được tóm lược dưới dạng Index cuối giáo trình.	Thường được viết mang tính liệt kê trong một số mục nhất định.
Các phương pháp	Thường được nêu đầy đủ, rõ	Ít được phân tích sâu và tổng

phân tích	và được mô hình hóa.	hợp đầy đủ.
Các bài tập tình huống	Nhiều và có liên hệ với các phương pháp phân tích dưới góc độ của những chuyên gia trong lĩnh vực TMĐT chuyên ngành; tương đối cập nhật thông tin và chi tiết hóa các bài tập tình huống (case study) bằng các sự kiện thực tế.	Ít và sự liên hệ với các phương pháp phân tích liên quan chưa rõ nét hoặc chưa có.
Đối tượng (độc giả)	Nhiều chủng loại, dành cho các đối tượng khác nhau: người mới bắt đầu học, cán bộ chuyên ngành hoặc nhà quản lý.	Chủng loại ít, phần lớn dành cho sinh viên và một số sách hướng dẫn thực hành, tham khảo.

5. Thực hành và thực tập thương mại điện tử

5.1 Thực hành

Vấn đề thực hành trong TMĐT được xem là khâu cốt yếu trong hoạt động giảng dạy và học tập bởi máy tính, các thiết bị điện tử và mạng Internet được xem là công cụ để tác nghiệp giao dịch điện tử. Mặc dù tình hình chung còn gặp khó khăn, tuy nhiên các trường đều quan tâm và đầu tư các phòng máy thực hành dành cho sinh viên. Quy mô đầu tư các phòng thực hành đa dạng phụ thuộc vào quy mô đào tạo TMĐT tại từng trường. Ngoài ra, một số cơ sở đào tạo đã từng bước ứng dụng các phần mềm TMĐT vào hoạt động thực hành.

Số giờ thực hành hiện chiếm khoảng 25-30% tổng số giờ giảng dạy môn học TMĐT. Tỷ lệ này là tương đối phù hợp với nội dung chương trình. Tuy nhiên hiện nay, việc bố trí cơ sở vật chất và các phần mềm thực hành gặp một số trở ngại. Hiện một số cơ sở đào tạo đã đầu tư xây dựng sàn giao dịch ảo phục vụ đào tạo, tuy nhiên hoạt động này chỉ thực sự hữu ích khi kết hợp nhuần nhuyễn giữa nội dung lý thuyết, thực hành và môi trường làm việc thực tế. Vì thế, việc phối kết hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp là cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư giảng dạy.

Hộp 4: Một số phần mềm mô phỏng hỗ trợ đào tạo TMĐT

Nhằm góp phần vào việc nâng cao chất lượng thực hành thương mại điện tử trong các trường, hiện nay có một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TMĐT và CNTT đã và đang cung cấp một số phần mềm mô phỏng TMĐT. Một số công ty và sản phẩm mô phỏng TMĐT: Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Hòa Bình với sản phẩm “Hệ

thống mô phỏng sàn giao dịch TMĐT”; Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghệ thông tin GOL với sản phẩm “Quản lý khai báo hải quan – CDS”.v.v.. Các sản phẩm trên được cài đặt tại các trường, sinh viên sẽ được thực hành giao dịch thương mại điện tử mô phỏng giống với thực tế. Ví dụ: Hệ thống “Quản lý khai báo hải quan – CDS” đang được sử dụng trong một số trường như trường Đại học Thương Mại, trường Đại học Tôn Đức Thắng; “Hệ thống mô phỏng sàn giao dịch TMĐT” sắp được triển khai tại một số trường đại học, cao đẳng đào tạo TMĐT. Hệ thống cho phép sinh viên và giảng viên đóng vai trò là doanh nghiệp hoặc người tiêu dùng, tham gia các giao dịch TMĐT ảo thông qua hệ thống trên. Ban đầu, người dùng sẽ được cấp một khoản Ngân lượng “ảo” có vai trò một lượng vốn nhất định để tiến hành các hoạt động giao dịch. Trong hệ thống mô phỏng, các doanh nghiệp “ảo” sẽ được Ban Quản trị do trường đại học hoặc những ai được phân quyền chỉ định. Cũng trong hệ thống mô phỏng sẽ có những mặt hàng ảo giống như các mặt hàng thật. Người tiêu dùng và các doanh nghiệp có thể tiến hành trao đổi, mua bán, đấu giá, thanh toán... giống như các hoạt động TMĐT trên thực tế.

Nguồn: Tổng hợp

5.2 Thực tập

Công tác tổ chức thực tập cho sinh viên trước khi tốt nghiệp là một trong những nội dung quan trọng, là sự thẩm định bước đầu về chất lượng đào tạo sinh viên của trường. Từ năm 2008 đến nay, hàng năm, một số trường có đào tạo sinh viên chuyên ngành TMĐT đã chủ động liên hệ với các doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực TMĐT để bố trí thực tập cho sinh viên. Hoạt động này được tiến hành thường xuyên đối với các sinh viên hai năm cuối trước khi tốt nghiệp nhằm trang bị kiến thức thực tiễn và giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng làm việc cần thiết.

Với chức năng là cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT, Cục TMĐT&CNTT ủng hộ và tích cực hỗ trợ các trường trong hoạt động đào tạo về TMĐT. Hàng năm, Cục đã đón nhận sinh viên thực tập từ một số trường và hướng dẫn các em trong quá trình thực tập, hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Sau thời gian thực tập, một số sinh viên xuất sắc đã được tuyển dụng về Cục công tác và đóng góp tích cực vào mọi hoạt động. Ngoài ra, một số doanh nghiệp TMĐT cũng tích cực hỗ trợ tiếp nhận sinh viên thực tập và phân công các em tham gia vào các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp.

Hộp 5: Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Hoà Bình (PeaceSoft)

PeaceSoft là một doanh nghiệp CNTT trẻ hoạt động trong lĩnh vực phần mềm & TMĐT. Hiện tại, PeaceSoft đang đi đầu trong nhiều hướng công nghệ mới tại Việt Nam như: Thương mại Điện tử (ChoDienTu.vn, eBay.ChoDienTu.vn; 4mua.vn); Thanh toán trực tuyến (NganLuong.vn); Hội nghị trực tuyến; .NET; Cổng thông tin;

GIS mã nguồn mở v.v... Với tiềm năng phát triển to lớn, PeaceSoft vinh dự là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên liên doanh với Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG theo hình thức đầu tư triển vọng. Từ tháng 06/2008, PeaceSoft chính thức bắt tay với Tập đoàn eBay phát triển Mạng xã hội mua sắm eBay - ChợĐiệnTủ và được Tập đoàn CNTT & Viễn thông hàng đầu Nhật Bản SoftBank chọn làm đối tác chiến lược ở Việt Nam vào tháng 09/2008. Tổng số nhân sự của PeaceSoft hiện trên 100 nhân viên, với tuổi đời trung bình là 25. Hàng năm, công ty đón nhận hàng trăm sinh viên từ các trường đại học, cao đẳng tại Hà Nội và các tỉnh thành lân cận tới thực tập. Trong thời gian tìm hiểu thực tế hoạt động tại doanh nghiệp, các em được hướng dẫn và tạo cơ hội tham gia trực tiếp vào một số khâu trong quy trình tác nghiệp tại công ty. Sau thời gian thực tập, những sinh viên tích cực và có khả năng phù hợp đã được nhận vào làm việc chính thức tại PeaceSoft. PeaceSoft được đánh giá là doanh nghiệp tích cực và thiện chí trong quan hệ phối hợp đào tạo với các trường.

Nguồn: <http://peacesoft.net/>

PHẦN II

CÁC HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP, HỖ TRỢ THÚC ĐẨY ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh hoạt động đào tạo chính quy về thương mại điện tử

Ngày 12 tháng 7 năm 2010, Quyết định số 1073/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 – 2015 đã được ban hành, trong đó, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Kế hoạch tổng thể đặt ra mục tiêu tổng quát: “Thương mại điện tử được sử dụng phổ biến và đạt mức tiên tiến trong các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Để đạt được mục tiêu đề ra, Kế hoạch tổng thể đã đề ra những nhiệm vụ chính cần thực hiện, bao gồm:

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thương mại điện tử.
2. Phát triển nguồn nhân lực về thương mại điện tử.
3. Cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ thương mại điện tử.
5. Nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước.

Quyết định 1073 cũng quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 – 2015. Tại Quyết định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành chương trình khung về đào tạo TMĐT trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; có chính sách khuyến khích đào tạo chính quy về TMĐT tại các trường đại học, cao đẳng, gắn kết hoạt động đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hộp 6: Nội dung về phát triển nguồn nhân lực TMĐT tại Quyết định 1073

Tại Quyết định 1073, phát triển nguồn nhân lực về thương mại điện tử được đặc biệt chú trọng. Các nội dung cụ thể như sau:

1. Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích của thương mại điện tử:
 - a) Xây dựng các chương trình tập huấn cán bộ quản lý kinh tế ở Trung ương và địa phương và các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về thương mại điện tử;

b) Phổ biến, tuyên truyền về lợi ích và kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, người tiêu dùng các ngành sản xuất và dịch vụ chính; quảng bá các doanh nghiệp điển hình thành công trong ứng dụng và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.

2. Đẩy mạnh đào tạo chính quy về thương mại điện tử:

a) Ban hành chương trình khung về đào tạo thương mại điện tử trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; tăng cường giảng dạy kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong các trường dạy nghề;

b) Ứng dụng đào tạo trực tuyến trong hoạt động đào tạo thương mại điện tử theo hướng khuyến khích các tổ chức đầu tư, phát triển công nghệ đào tạo trực tuyến, hỗ trợ các trường đại học và doanh nghiệp liên kết trong việc thiết kế nội dung, giáo trình đào tạo trực tuyến. Hỗ trợ về vốn và các ưu đãi về thuế nhằm đẩy nhanh hình thức đào tạo trực tuyến.

Thực hiện Quyết định 1073, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương và Vụ Giáo dục Đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức buổi làm việc cấp lãnh đạo hai đơn vị vào ngày 19/8/2010 và thống nhất một số bước triển khai như sau:

Bước 1: Hướng dẫn các trường mở chuyên ngành TMĐT trong các ngành kinh tế, QTKD và CNTT (việc mở chuyên ngành thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng).

Bước 2: Hướng dẫn các trường mở chương trình đào tạo ngành TMĐT theo hướng nhập khẩu của các trường đại học nổi tiếng trên thế giới (theo mô hình chương trình tiên tiến).

Bước 3: Giao nhiệm vụ đào tạo ngành TMĐT cho một số trường có đủ điều kiện mở ngành.

Bước 4: Xây dựng chương trình khung cho ngành TMĐT.

2. Tăng cường hoạt động liên kết đào tạo giữa các trường đại học, cao đẳng

Trong các năm từ 2008 đến 2010, Cục TMĐT&CNTT – Bộ Công Thương đã có nhiều hoạt động nhằm tăng cường liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng có đào tạo TMĐT như: tổ chức hội thảo, tọa đàm chuyên môn, tập huấn giảng viên dạy TMĐT v.v...

Năm 2009, Cục TMĐT&CNTT chủ trì tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề “Thương mại điện tử và Phát triển nguồn nhân lực”. Với ba phiên thảo luận tập trung vào các chủ đề chính là: Tổng quan về đào tạo thương mại điện tử trên thế giới và tại Việt Nam; Triển vọng phát triển của kinh doanh điện tử và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực; Đào tạo nguồn nhân lực TMĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, Hội thảo đã có khoảng 30 tham luận của các nhà quản lý, các chuyên gia với chất lượng chuyên môn cao, nhiều đơn vị đã chia sẻ được những kinh nghiệm quý báu trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực TMĐT. Ngoài các diễn giả, Hội thảo cũng đã thu hút đông đảo sự tham gia của các nhà quản lý, các chuyên gia đến từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Tin học Việt Nam và các đại biểu đến từ các trường đại học, cao đẳng và cơ

sở đào tạo trong và ngoài nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Ngoại Thương, Đại học Thương Mại, Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Viện Tin học Pháp ngữ, Cơ quan giáo dục quốc tế Úc tại Việt Nam (AEI), Đại học RMIT Việt Nam, Học viện công nghệ MEIHO (Đài Loan), Công ty Blitz.v.v... Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp TMĐT và CNTT trong nước như CMC, Smartlink, OSB v.v... cũng tham dự và đóng góp những ý kiến quan trọng, xác đáng về nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng TMĐT tại doanh nghiệp trong xu hướng hội nhập. Hội thảo đã thành công tốt đẹp với sự đánh giá cao về chất lượng chuyên môn của đông đảo đại biểu tham dự và được đăng tải trên nhiều phương tiện thông tin, truyền thông.

Hình 5: Hội thảo quốc tế “Thương mại điện tử và Phát triển nguồn nhân lực”



Trong năm 2010, Cục TMĐT&CNTT đã tổ chức một số buổi Tọa đàm trao đổi chuyên môn về giảng dạy TMĐT, cụ thể như chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, hoạt động phối hợp đào tạo giữa các trường.v.vv.. Đại biểu tham dự Tọa đàm gồm các giảng viên đến từ một số cơ sở đào tạo như Đại học Thương Mại, Đại học Ngoại Thương, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cơ sở phía Bắc, Cao đẳng Công nghệ Viettronics... Đặc biệt, Cục TMĐT& CNTT đã mời các chuyên gia nước ngoài từ một số cơ quan, tổ chức như Cơ quan Giáo dục và Đào tạo bang Queensland (Australia), Học viện TAFE (Australia), Đại học California State University, Fullerton (Hoa Kỳ), v.v... tham dự Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm với giảng viên Việt Nam. Những hoạt động này đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía các trường và dự kiến sẽ được tiến hành định kỳ, thường xuyên.

Hình 6: Buổi làm việc với cơ quan Giáo dục và Đào tạo bang Queensland (Australia)



Ngày 24 tháng 8 năm 2010, Cục TMĐT& CNTT đã tổ chức Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác về tổ chức đào tạo chính quy thương mại điện tử với Viện CNTT&TT - Đại học Bách Khoa Hà Nội. Trên cơ sở thảo luận, trao đổi, hai bên đã thống nhất đưa ra một khung chương trình phối hợp với những nội dung và phân công trách nhiệm cụ thể trong các công việc như: giảng dạy chuyên đề về thương mại điện tử cho chương trình đào tạo sau đại học; xây dựng chương trình đào tạo ngắn hạn và cấp chứng cho sinh viên sau mỗi khóa học; phối hợp thực hiện các đề tài khoa học; hướng dẫn sinh viên thực tập, làm luận văn tốt nghiệp và đào tạo cao học.

Hình 7: Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Cục TMĐT&CNTT và Viện CNTT&TT - Đại học Bách Khoa Hà Nội



3. Hỗ trợ giảng dạy thương mại điện tử

Trong các năm từ 2008 đến 2010, Cục TMĐT& CNTT đã tổ chức nhiều đoàn công tác tới các trường đại học, cao đẳng có giảng dạy TMĐT nhằm phổ biến những kiến thức mới nhất về TMĐT, đặc biệt là những kiến thức về pháp luật thương mại điện tử, tình hình phát triển TMĐT trên thế giới, các ứng dụng TMĐT tại doanh nghiệp cho các giảng viên, sinh viên. Thông qua những buổi gặp gỡ, trao đổi này, các giảng viên, sinh viên tại các trường có thêm nhiều thông tin về TMĐT gắn với thực tiễn.

Bên cạnh đó, trong năm 2009-2010 Cục TMĐT& CNTT còn cử chuyên gia, phối hợp với các doanh nghiệp TMĐT và CNTT, một số ngân hàng, đến các trường làm giảng viên thỉnh giảng một số chuyên đề về pháp luật và ứng dụng công nghệ trong TMĐT.

Hình 8: Đoàn công tác tới thăm và làm việc tại trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định



Các hoạt động này không chỉ cung cấp thông tin mới về TMĐT mà còn khuyến khích giảng viên, sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng say mê nghiên cứu, giảng dạy, học tập và ứng dụng TMĐT vào thực tiễn cuộc sống.

Trong khuôn khổ hoạt động phối hợp với các trường, Cục TMĐT&CNTT đã và đang triển khai kế hoạch phối hợp công tác tại các trường và tham gia giảng dạy, làm việc với giảng viên và sinh viên trong công tác nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở thống nhất ý kiến giữa lãnh đạo Cục với lãnh đạo nhà trường, các khoa và bộ môn đang tiến hành tổ chức các nhóm nghiên cứu do giảng viên có kinh nghiệm trực tiếp phụ trách. Một số cơ sở đào tạo hiện đang tiến hành tổ chức các nhóm tham gia vào hoạt động phối hợp nghiên cứu khoa học là Viện CNTT&TT – Đại học Bách Khoa Hà Nội, Khoa CNTT – Đại học Thái Nguyên, Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.v.v...

Hình 9: Đoàn công tác của Cục TMĐT&CNTT làm việc tại Khoa CNTT – Đại học Thái Nguyên (tháng 8/2010)



Nhóm đề tài nghiên cứu ứng dụng TMĐT do Cục TMĐT&CNTT phối hợp triển khai với các trường tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghệ trong TMĐT, quản lý các hệ thống thông tin và tổng hợp, biên soạn tài liệu phục vụ giảng dạy và tham khảo. Đây là những nội dung được đông đảo các trường quan tâm và đề đạt nguyện vọng tại các buổi tiếp xúc làm việc.

Dự kiến, kế hoạch phối hợp giai đoạn đầu sẽ diễn ra trong 06 tháng và sơ kết vào cuối Quý I năm 2011. Sau khi đánh giá tình hình và rút kinh nghiệm, Cục TMĐT&CNTT sẽ tiến hành với quy mô rộng hơn và mở rộng phạm vi chuyên môn của các nhóm đề tài nghiên cứu nêu trên.

4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp

Việc gắn kết giữa các cơ sở đào tạo TMĐT và các doanh nghiệp ứng dụng TMĐT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh là vấn đề mấu chốt trong việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Phần lớn, sinh viên TMĐT sau khi tốt nghiệp sẽ công tác tại các doanh nghiệp. Trong thời gian vừa qua, một số doanh nghiệp TMĐT đã chủ động nêu ra các yêu cầu đào tạo, hỗ trợ cơ sở vật chất, phần mềm thực hành, giảng viên cho các cơ sở đào tạo TMĐT nhằm xây dựng nguồn nhân lực TMĐT phục vụ quá trình phát triển của doanh nghiệp. Một số trường cũng chủ động đặt vấn đề đào tạo nguồn nhân lực TMĐT cho doanh nghiệp, phối hợp tổ chức cho sinh viên thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc gắn kết giữa các cơ sở đào tạo TMĐT và các doanh nghiệp TMĐT đối với sự phát triển TMĐT, Cục TMĐT& CNTT đã có nhiều hoạt động nhằm tăng cường mối quan hệ này. Bên cạnh việc tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm về TMĐT nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu nhu cầu về nguồn nhân lực TMĐT, Cục TMĐT& CNTT đã tổ chức giới thiệu các em sinh viên đang học tại các trường có đào tạo TMĐT như Đại học Thương Mại, Đại học Ngoại Thương, Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, Cao đẳng Công nghệ Viettronics v.v... đến các doanh nghiệp TMĐT thực tập, thực hành, tìm hiểu hoạt động TMĐT trong thực tế. Qua hoạt động này, các em sinh viên có thể mở rộng thêm kiến thức về TMĐT trong thực tế và có cơ hội tìm được việc làm tại doanh nghiệp. Còn phía doanh nghiệp, họ có thể tuyển dụng được nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu.

Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM) là tổ chức xã hội nghề nghiệp của các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trực tiếp kinh doanh TMĐT hoặc ứng dụng TMĐT phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoặc nghiên cứu hay cung cấp các dịch vụ về thương mại điện tử. Hiệp hội hoạt động trên cơ sở tự nguyện, phi lợi nhuận, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ, bảo vệ các hội viên để phát triển lĩnh vực thương mại điện tử ở Việt Nam. Trong thời gian vừa qua, cùng với sự phối hợp tích cực từ Cục TMĐT& CNTT, VECOM đã tiến hành nhiều hoạt động phổ biến, tuyên truyền về TMĐT tới đông đảo sinh viên các trường đại học cũng như doanh nghiệp hội viên.

Hình 10: Khóa tập huấn TMĐT do VECOM phối hợp với Cục TMĐT&CNTT tổ chức



Việc phát triển nguồn nhân lực nói chung và việc phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực TMĐT hết sức quan trọng, cần sự quan tâm của rất nhiều đơn vị từ phía cơ quan quản lý nhà nước đến các cơ sở nghiên cứu đào tạo và doanh nghiệp. Với vai trò hiệp hội đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp TMĐT, VECOM đưa ra một số đề xuất sau:³

1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

- Tăng cường công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về TMĐT, trong đó có các văn bản pháp luật phục vụ công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho TMĐT tại các trường đại học và cao đẳng.
- Tiếp tục tăng cường hoạt động phổ biến, tuyên truyền và đào tạo về TMĐT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt cần tập trung vào ứng dụng công nghệ đào tạo trực tuyến (e-learning).
- Cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thúc đẩy đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho TMĐT. Trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương sẽ phối kết hợp nhiều hoạt động trong việc dự báo nguồn nhân lực cũng như đánh giá chất lượng đào tạo giai đoạn hiện nay để có biện pháp thúc đẩy hoạt động đào tạo TMĐT đi vào chiều sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

2. Đối với các cơ sở nghiên cứu đào tạo

- Cần chủ động xây dựng mối quan hệ hữu cơ liên quan đến cung cầu nhân lực về TMĐT, đặc biệt cần liên hệ chặt chẽ và bám sát thực tiễn hoạt động

³ Trích Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Thương mại điện tử và Phát triển nguồn nhân lực” do Cục TMĐT và CNTT biên soạn tháng 2/2010.

kinh doanh tại doanh nghiệp và các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực TMĐT.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học cũng như đội ngũ cán bộ nghiên cứu về lĩnh vực này, xây dựng bộ giáo trình chuẩn, các tài liệu ứng dụng.
- Đổi mới phương pháp đào tạo, ứng dụng các phương pháp đào tạo tiên tiến của nước ngoài.

3. Đối với doanh nghiệp

- Hỗ trợ các chương trình phát triển nguồn nhân lực bằng việc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về TMĐT theo chương trình của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội nghề nghiệp chủ trì.
- Khai thác tài liệu hướng dẫn về TMĐT trực tuyến, học tập kinh nghiệm triển khai TMĐT thành công của các doanh nghiệp khác.
- Tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo để xác định rõ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực về TMĐT của doanh nghiệp, kịp thời bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

5. Xây dựng tư liệu chung phục vụ nghiên cứu và giảng dạy thương mại điện tử

Hiện nay, Cục TMĐT&CNTT đang tiến hành xây dựng một thư viện điện tử nằm trong mục “Tư liệu” tại trang thông tin điện tử www.vecita.gov.vn. Đây là nơi để các trường, tổ chức, cá nhân chia sẻ những tài liệu, giáo trình liên quan đến TMĐT. Thư viện sẽ là đầu mối để các cá nhân quan tâm đến TMĐT truy cập, đặc biệt là các giảng viên, sinh viên có thể tham khảo, nghiên cứu các tài liệu TMĐT bằng tiếng Việt và tiếng Anh một cách thuận tiện.

Cục TMĐT&CNTT khuyến khích các trường áp dụng công nghệ đào tạo trực tuyến (e-Learning) trong việc giảng dạy, học tập TMĐT. Ngoài ra, Cục sẽ tạo điều kiện thuận lợi để hệ thống đào tạo trực tuyến của các trường có thể liên kết và khai thác hiệu quả thư viện điện tử mà Cục xây dựng.

Hình 11: Mục Tư liệu tại website của Cục TMĐT&CNTT



BỘ CÔNG THƯƠNG
Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin

<http://www.vecita.gov.vn>

English  Tiếng Việt 

14:58:36, Thứ Sáu 8 - 10 - 2010

[Trang chủ](#) | [Liên hệ](#) | [Sơ đồ trang](#) | [Hỏi đáp](#) | [Quyền riêng tư](#)

Giới thiệu

Tin tức

Thông tin đầu tư, đầu thầu và mua sắm công

Dịch vụ công

Tư liệu

- Báo cáo Thương mại điện tử
- Sách, giáo trình
- Giải pháp, Tiêu chuẩn công nghệ
- Nghiên cứu – đánh giá
- Khác

Vấn bản pháp luật

Hỏi đáp

Liên hệ

Tìm kiếm

Tư liệu

Từ khóa:

STT	Tên tư liệu	Tác giả	Năm
1	Xây dựng hệ thống an toàn thông tin dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 270001:2005 - Hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISMS)	Nguyễn Hữu Tuấn	2010
2	Báo cáo chuyên đề công nghiệp phần cứng, điện tử	Vụ Công nghệ thông tin - Bộ TT&TT	2010
3	Phiếu điều tra khảo sát tình hình đào tạo nguồn nhân lực về thương mại điện tử tại các trường đại học, cao đẳng	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2010
4	Plan for 2011 AFACT Meetings & eASIA Award	AFACT	2010
5	Survey of Trade Facilitation Maturity Level	Dr. Yi-Yuan Yueh	2010
6	AFACT Interface with Other Organizations in Single Window	AFACT	2010
7	Tiêu chuẩn hóa thông tin trong phát triển TMĐT	Nguyễn Hữu Tuấn	2010
8	Thực trạng ứng dụng EDI tại Việt Nam và thế giới	Nguyễn Hữu Tuấn	2010
9	Giới thiệu cơ bản về EDI	Nguyễn Hữu Tuấn	2010
10	Báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam 2009	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2010
11	Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Thương mại điện tử và phát triển nguồn nhân lực	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2010
12	WCO Data Model Single Window	World Customs Organization	2009
13	UNICEFACT CCLO Report	UNICEFACT	2009
14	Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam năm 2009	Ban chỉ đạo Quốc gia về CNTT và Bộ Thông tin và Truyền thông	2009
15	Core Component Library Outreach	UNICEFACT	2009

[Trang đầu](#) [Trang trước](#) **1** [2](#) [3](#) [Trang tiếp](#) [Trang cuối](#)

© 2010 Vecita [Trang chủ](#) [Liên hệ](#) [Sơ đồ trang](#) [Hỏi đáp](#) [Quyền riêng tư](#)

Trang thông tin điện tử Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương
 © 2010 Bản quyền thuộc về Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương
 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
 Giấy phép số 131/GP-TTĐT của Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử - Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 24/06/2010
 Trưởng Ban biên tập: TS. Nguyễn Mạnh Quyền, Phó Cục trưởng
 ĐT: (04) 2220-5396, Fax: (04) 2220-5397, Email: banbientap@vecita.gov.vn
 Ghi rõ nguồn <http://www.vecita.gov.vn> khi trích dẫn tin từ trang tin này

PHẦN III

MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TIÊU BIỂU

1. Đại học Thương Mại

Vào đầu những năm 2000, một số trường đại học, ở Việt Nam, trong đó có trường Đại học Thương Mại, bắt đầu quan tâm tới vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho TMĐT. Bước đầu tiên, Ban Giám hiệu nhà trường thành lập một nhóm nghiên cứu về TMĐT. Bước tiếp theo, nhà trường quyết định đưa môn học Thương mại điện tử căn bản vào chương trình đào tạo của tất cả các ngành, chuyên ngành đang được triển khai trong trường. Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những giao dịch phổ biến, những dịch vụ hỗ trợ như an toàn, bảo mật v.v... và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội trong TMĐT.

Với mục đích đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho TMĐT, sau một thời gian chuẩn bị về đội ngũ và cơ sở vật chất kỹ thuật, vào năm 2005, nhà trường thành lập và tiến hành triển khai đào tạo chuyên ngành Quản trị TMĐT thuộc ngành QTKD. Chương trình đào tạo Quản trị TMĐT tích hợp kiến thức và kỹ năng của nhiều lĩnh vực khoa học (Kinh tế – QTKD, Khoa học xã hội hành vi, CNTT&TT, ngoại ngữ). Có thể nói đây là trường đại học đầu tiên trong cả nước triển khai chuyên ngành đào tạo Quản trị TMĐT. Để quản lý và triển khai quá trình đào tạo chuyên ngành, trường đã thành lập khoa Thương mại điện tử.

Trải qua thực tiễn gần 05 năm hoạt động, khoa Thương mại điện tử của trường đã thực hiện được mục tiêu trọng tâm là hoàn thiện hệ thống chương trình, bài giảng, giáo trình và tài liệu các môn học, tiến hành đào tạo đại học chính quy, đào tạo ngắn hạn về TMĐT cho học viên, chuyển đổi thành công sang đào tạo theo học chế tín chỉ theo chủ trương của nhà trường.

Tính đến thời điểm tháng 10 năm 2009, toàn bộ cán bộ Khoa bao gồm 30 người, trong đó 29 giáo viên và 01 chuyên viên quản lý. Trong số 30 cán bộ, phân theo trình độ có 03 phó giáo sư – tiến sỹ, 03 nghiên cứu sinh, 05 thạc sỹ, 05 giảng viên đang theo học cao học và 14 cử nhân.

Hình 12: Khoa Thương mại điện tử - Trường Đại học Thương Mại



Với mục tiêu đào tạo chú trọng vào kỹ năng, ngay từ khi thành lập, Khoa đã tập trung đầu tư nhiều phần mềm nhằm huấn luyện các kỹ năng thực hành cho sinh viên như Phần mềm huấn luyện thương mại điện tử và các phần mềm chuyên dụng khác như SugarCRM, OpenBravo (ERP), ESN...

Trung tâm Đào tạo, Thực hành và Chuyển giao Thương mại điện tử (gọi tắt là Trung tâm Thương mại điện tử) là đơn vị trực thuộc Khoa Thương mại điện tử, được thành lập với chức năng phục vụ thực hành cho các học phần chuyên ngành TMĐT và CNTT; tổ chức các lớp ngắn hạn, các lớp chuyên đề và các khóa đào tạo có cấp chứng chỉ về TMĐT cho doanh nghiệp và các đối tượng có quan tâm. Sau một thời gian hoạt động, hiện nay Trung tâm được trang bị 02 phòng thực hành với trên 100 máy vi tính được nối mạng và cài đặt các chương trình chuyên dụng, đảm bảo đáp ứng tốt cho việc học tập của người học. Tất cả giảng viên của khoa đều có trách nhiệm gắn kết công việc giảng dạy với hoạt động của Trung tâm, tham gia các hoạt động của trung tâm theo kế hoạch chung của khoa. Đây được đánh giá là một hướng phát triển mới nhằm chuyển giao kiến thức và kỹ năng TMĐT ra xã hội.

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành, được thể hiện tại Tuyên bố đầu ra các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Thương Mại, là đảm bảo cho sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử tại trường Đại học Thương mại có thể đáp ứng cơ hội nghề nghiệp:

* *Làm việc phù hợp và tốt* (đúng ngành, đúng nghề) với tư cách là cán bộ chuyên môn ở các doanh nghiệp lớn có các hệ thống thương mại điện tử bậc cao, phức tạp, hoặc cán bộ quản trị ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử của doanh nghiệp, như:

- Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh có liên quan đến TMĐT;

- Bộ phận quản trị dự án TMĐT;
- Bộ phận quản trị hệ thống thông tin của doanh nghiệp;
- Bộ phận quản trị hoạt động B2C, B2B;
- Bộ phận quản trị Website của doanh nghiệp;
- Bộ phận quản trị marketing và quan hệ khách hàng trong TMĐT;
- Bộ phận quản trị logistics và dịch vụ chăm sóc khách hàng;
- Bộ phận quản trị thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác;
- Bộ phận truyền thông kinh doanh trực tuyến.

* *Làm việc được* (đúng ngành): Có khả năng tự nghiên cứu chuyên đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính kinh doanh...) ở các doanh nghiệp.

* *Có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp* tại các loại hình tổ chức và doanh nghiệp:

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ có ứng dụng TMĐT;
- Các bộ phận quản trị thương mại điện tử ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh;
- Các bộ phận R&D thương mại điện tử ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học;
- Các bộ phận có liên quan đến quản lý nhà nước về thương mại điện tử ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

Để đạt chuẩn đầu ra của chuyên ngành, trong quá trình học tập ở trường, sinh viên phải hoàn thành chương trình học tập, đảm bảo các chuẩn về kiến thức (kiến thức giáo dục đại cương; kiến thức nền về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; kiến thức căn bản, cập nhật và phát triển về quản trị kinh doanh; kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về quản trị TMĐT). Bên cạnh đảm bảo các chuẩn về kiến thức, sinh viên tốt nghiệp cần đạt các chứng chỉ về kỹ năng thực hành (các kỹ năng chuyên môn; các kỹ năng phương pháp; các kỹ năng công cụ). Ra trường, sinh viên phải trở thành người công dân tốt, người cán bộ chuyên môn có đạo đức nghề nghiệp. Để góp phần đáp ứng các yêu cầu trên, trong thời gian học tập ở nhà trường, sinh viên phải cố gắng rèn luyện, đảm bảo các tiêu chí chuẩn về thái độ và hành vi (ý thức vươn lên; chấp hành nội quy, quy chế; phẩm chất công dân; ý thức cộng đồng v.v...).

Một trong những điểm nổi bật trong quá trình đào tạo chuyên ngành Quản trị TMĐT của trường Đại học Thương Mại là sự gắn kết khá chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp. Ban chủ nhiệm và giảng viên của khoa đã tích cực phối hợp cùng lãnh đạo một số doanh nghiệp TMĐT phối hợp tổ chức các đoàn sinh viên đến tham quan, thực tập, làm chuyên đề, luận văn tốt nghiệp gắn với các vấn đề của doanh nghiệp, làm việc bán thời gian có hưởng lương tại các doanh nghiệp TMĐT. Ngoài ra, lãnh đạo các doanh nghiệp cũng tích cực tham gia phối hợp vào hoạt động đào tạo của khoa như giảng bài, hướng dẫn thực hành, hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, chấm luận văn tốt nghiệp, trao đổi chuyên môn với sinh viên qua mạng Internet.

Đặc thù của TMĐT là kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, các doanh nghiệp TMĐT đều mới được thành lập, chủ doanh nghiệp phần lớn là những người trẻ tuổi, được đào tạo bài bản. Chính vì vậy, các doanh nghiệp TMĐT dễ dàng tiếp nhận và tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên chuyên ngành Quản trị TMĐT đến thực tập, làm việc. Một số sinh viên đã trở thành nhân viên làm việc bán thời gian (part-time) tại doanh nghiệp, thông qua đó sinh viên vừa có điều kiện rèn luyện kỹ năng làm việc theo chuyên môn, vừa có thêm thu nhập trợ giúp học tập và sinh hoạt. Một số sinh viên đã thể hiện được phẩm chất và năng lực vượt trội, được doanh nghiệp bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo. Điển hình là nhóm sinh viên tốt nghiệp khoa TMĐT hiện đang công tác tại Công ty TMĐT Sannam - Senmart thuộc Tập đoàn Sannam.

Hình 13: Lễ bế giảng Khóa 42
Khoa Thương mại điện tử - Trường Đại học Thương Mại



Khóa đầu tiên đào tạo chuyên ngành Quản trị TMĐT (2005 – 2009) đã có gần 230 sinh viên tốt nghiệp. Nhiều cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp đã bày tỏ nhu cầu tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của chuyên ngành này. Trong các năm học 2006-2007, 2007-2008, 2008-2009, trường tuyển sinh các khóa đào tạo tiếp theo với số lượng sinh viên ngày càng tăng, đạt tới 340 sinh viên trong kỳ tuyển sinh năm học 2008-2009. Trong kỳ tuyển sinh năm 2009- 2010, trường tuyển sinh khóa đào tạo tiếp theo với số lượng sinh viên ngày càng tăng, đạt tới 350 sinh viên.

Công cuộc xây dựng nền kinh tế hiện đại trong bối cảnh CNTT và kinh tế tri thức gắn bó một cách chặt chẽ với triển khai ứng dụng rộng rãi kinh doanh điện tử và TMĐT. Chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ phát triển TMĐT là một yêu cầu khách quan. Để đáp ứng yêu cầu này, ngoài các nỗ lực của nhà trường, cần có sự nhận thức đúng đắn, sự quan tâm và hợp tác toàn diện của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp cũng như toàn xã hội.

2. Đại học Ngoại Thương

Trường Đại học Ngoại Thương là một trong những trường đại học đầu tiên tại Việt Nam đã đưa môn học Thương mại điện tử vào trong chương trình đào tạo của các chuyên ngành chính của trường như Kinh tế Đối ngoại, Quản trị kinh doanh quốc tế ngay từ năm học 2004-2005. Môn học được giảng dạy đối các loại hình đào tạo chính quy, tại chức và chuyên ngành với số lượng khoảng 3.000 sinh viên/năm tại cả cơ sở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Ban đầu, các môn học được xây dựng trên cơ sở các nội dung như: các mô hình kinh doanh điện tử, marketing điện tử, giao dịch điện tử, luật điều chỉnh TMĐT và quản trị rủi ro trong TMĐT. Chương trình đào tạo liên tục được đội ngũ giảng viên TMĐT cập nhật từ các trường đại học trong và ngoài nước như Đại học New South Wales, Đại học Latrobe, Đại học Queensland (Australia); Đại học Columbia Southern, Đại học California State Fullerton (Hoa Kỳ). Đội ngũ giảng viên TMĐT liên tục được đào tạo và chuẩn hóa thông qua các chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên sâu về TMĐT và Hệ thống Thông tin Quản lý. Đến năm 2010, bộ môn đã có 12 giảng viên gồm 01 tiến sỹ, 02 nghiên cứu sinh, 04 thạc sỹ và 05 cử nhân.

Hình 14: Hội thảo giới thiệu chương trình đào tạo TMĐT do Đại học California State Fullerton (Hoa Kỳ) tư vấn cho Đại học Ngoại Thương



Bộ môn đã xây dựng được 16 môn học cho chuyên ngành TMĐT, trong đó có 08 môn học bắt buộc và 08 môn học tự chọn. Sinh viên chuyên ngành TMĐT được học 10 môn chuyên ngành, tương đương 30 tín chỉ trên tổng số 140 tín chỉ của chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Trải qua thời gian 07 năm đào tạo môn học TMĐT (căn bản), đến năm học 2010 chuyên ngành TMĐT đã chính thức được áp dụng đối với sinh viên K47 (22 sinh viên) và được áp dụng đối với đào tạo bằng đại học chính quy thứ 2 đối với sinh viên các chuyên ngành khác với hình thức học truyền thống kết hợp với học trực tuyến. Dự kiến đến năm 2015, chuyên ngành TMĐT sẽ được đào tạo với khoảng 1.000 sinh viên/năm. Chương trình đào tạo cũng sẽ được mở rộng thành 02 chuyên ngành, bao gồm chuyên ngành TMĐT (thuộc ngành Quản trị Kinh doanh) và chuyên ngành Hệ thống Thông tin Quản lý (thuộc ngành CNTT).

Để trang bị đồng thời những kiến thức và kỹ năng thực hành TMĐT cho sinh viên, bộ môn TMĐT đã phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Thông tin của trường, xây dựng các hệ thống giao dịch TMĐT để tăng cường đào tạo thực hành các nghiệp vụ TMĐT. Hiện nay, việc đào tạo thực hành TMĐT được tổ chức với 03 phòng thực hành, 200 máy tính nối mạng LAN và Internet, 03 máy chủ để mô phỏng các giao dịch TMĐT.

Mục tiêu đào tạo chuyên ngành TMĐT được khẳng định rõ ngay trong đề cương chuyên ngành và được tiếp tục thể hiện trong Tuyên bố chuẩn đầu ra của các ngành/chuyên ngành đào tạo của trường đại học Ngoại thương. Sinh viên chuyên ngành TMĐT sau khi tốt nghiệp sẽ nắm vững những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cả hai lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh, có khả năng tổ chức và quản lý hoạt động TMĐT trong doanh nghiệp, tham gia hoạch định chiến lược đầu tư về CNTT trong doanh nghiệp, xây dựng hệ thống thông tin cho các tổ chức, xây dựng các phần mềm ứng dụng trong TMĐT, quản trị hệ thống thông tin, khai thác hiệu quả nguồn lực và ứng dụng các thành tựu CNTT vào mọi hoạt động của doanh nghiệp, kinh doanh sản phẩm phần mềm, phần cứng thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tốt trong mọi doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là doanh nghiệp và các cơ quan trong các lĩnh vực có khả năng và mức độ ứng dụng CNTT cao như ngoại thương, tài chính, ngân hàng.

Căn cứ nhu cầu đào tạo và việc bố trí nguồn lực phục vụ giảng dạy, năm 2010, trường Đại học Ngoại Thương đã chính thức ban hành Khung chương trình giáo dục đại học theo học chế tín chỉ chuyên ngành TMĐT. Mục tiêu chung của chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực TMĐT, theo đó sinh viên vừa giỏi về nghiệp vụ kinh doanh, vừa tinh thông về CNTT ứng dụng trong kinh doanh và đặc biệt chuyên sâu trong việc tổ chức kinh doanh trong môi trường mạng; Cung cấp kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin ứng dụng và khả năng hoạch định chính sách đầu tư công nghệ thông tin vào doanh nghiệp, cơ quan quản lý. Chương trình đào tạo gồm các môn học với tổng số 140 tín chỉ cần tích lũy.

**Bảng 10: Danh sách các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành TMĐT
tại Đại học Ngoại thương**

<i>Số TT</i>	<i>Tên môn học</i>	<i>Mã môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Môn học Tiên quyết</i>
1.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		48	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin I	TRI102	2	Không
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin II	TRI103	3	Không
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TRI104	2	TRI102, TRI103
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	TRI106	3	TRI102, TRI103
5	Toán cao cấp I	TOA103	2	Không
6	Toán cao cấp II	TOA104	2	Không
7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TOA201	3	TOA103, TOA104
8	Pháp luật đại cương	PLU101	2	Không
9	Logic học và phương pháp nghiên cứu khoa học	TRI201	3	Không
10	Tin học đại cương	TIN202	3	TOA103, TOA104
11	Kỹ năng học tập và làm việc	PPH101	3	Không
12	Ngoại ngữ 1 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	101	4	Không
13	Ngoại ngữ 2 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	102	4	101
14	Ngoại ngữ 3 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	201	4	102
15	Ngoại ngữ 4 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	202	4	201
16	Ngoại ngữ 5 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	301	4	202
1.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		95	
1.2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành		6	
1	Kinh tế vi mô 1	KTE202	3	TOA103, TOA104
2	Kinh tế vĩ mô 1	KTE204	3	KTE202
1.2.2	Khối kiến thức cơ sở ngành		21	
1	Marketing căn bản	MKT301	3	KTE202
2	Nguyên lý kế toán	KET201	3	KTE202
3	Kinh tế lượng	TOA301	3	TOA201, KTE202
4	Nguyên lý thống kê và thống kê doanh nghiệp	TOA302	3	TOA202, KTE202
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	KTE306	3	KTE204
6	Chính sách thương mại quốc tế	TMA301	3	KTE204
7	Quản trị hệ thống thông tin	QTR201	3	KTE306, TMA301
1.2.3	Khối kiến thức ngành (bao gồm cả kiến thức chuyên ngành)		47	
1	Quản trị học	QTR303	3	KTE202

2	Quản trị chiến lược	QTR312	3	QTR410, KET307
3	Quản trị nhân lực	QTR403	3	QTR303
4	Quản trị tài chính	KET307	3	KET201
5	Quản trị tác nghiệp	QTR410	3	KTE309, QTR403
6	Marketing trong TMDT	MKT406	3	KTE306
7	Thương mại điện tử căn bản	TMD309	3	KTE306
8	Hệ thống mạng máy tính	TMD408	3	TMD309, TIN312
9	Phân tích và thiết kế hệ thống thương mại điện tử	TMD415	3	TMD309, TIN332
10	Ứng dụng TMDT trong tổ chức	TMD310	3	TMD309, QTR201
11	Cơ sở dữ liệu căn bản	TMD304	3	TIN202
12	Quản trị dự án CNTT	TMD403	3	QTR201, TMD309
13	Lập trình web căn bản	TMD306	3	TMD309, QTR201
14	Ngoại ngữ 6 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	302	4	301
15	Ngoại ngữ 7 (TAN, TPH, TNH,TTR, TNG)	401	4	302
1.2.4	Khối kiến thức tự chọn		6	
1	Lập trình và quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	TMD405	3	TMD304
2	Lập trình web nâng cao	TMD407	3	TIN332, TIN322
3	Tài chính ngân hàng điện tử	TCH428	3	TMD309, QTR201
4	Chiến lược kinh doanh điện tử	KDO407	3	TMD309
5	Quản trị thương mại điện tử	TMD414	3	TMD309
6	Quản trị hệ thống thông tin nâng cao	TMD416	3	TMD309, TIN312
7	Luật điều chỉnh thương mại điện tử	PLU430	3	TMD309
8	An ninh và bảo mật trong thương mại điện tử	TMD411	3	QTR201, TMD309
9	Phân tích cơ sở dữ liệu trong thương mại điện tử	TMD412	3	QTR201, TMD309
1.2.5	Thực tập	QTR504	3	
1.2.6	Học phần tốt nghiệp	QTR514	9	

Nguồn: Bộ môn TMDT – trường Đại học Ngoại Thương

Trong xu thế quốc tế hóa và cạnh tranh trong giáo dục đại học diễn ra mạnh mẽ, trong điều kiện Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, trường Đại học Ngoại Thương đứng trước nhiều thách thức đòi hỏi nhà trường phải nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao chất lượng đào tạo cũng với việc đa dạng hóa ngành nghề đào tạo để đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về nguồn nhân lực của nền kinh tế đất nước.

3. Đại học Kinh tế Đà Nẵng

Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, nằm tại trung tâm của miền Trung và thành phố Đà Nẵng, tiền thân từ khoa Kinh tế của trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng (1975), Phân hiệu Đại học Kinh tế Đà Nẵng (1984) và là một trong năm trường thành viên của Đại học Đà Nẵng ra đời theo Nghị định 32-CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng.

Nhận thức được tầm quan trọng của TMĐT, nhà trường đã đưa học phần TMĐT vào giảng dạy tại nhà trường. Môn học TMĐT được giảng dạy cho hệ đại học các chuyên ngành Tin học quản lý, Thống kê tin học và QTKD. Mục tiêu của môn học là giúp cho sinh viên ra trường có thể tổ chức và tiến hành các hoạt động kinh doanh thông qua mạng Internet và các phương tiện điện tử.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về TMĐT như định nghĩa, những tính chất, mô hình kinh doanh TMĐT cũng như lợi ích mà loại hình kinh doanh này mang lại. Trong môn học này cũng giới thiệu những tiền đề cơ bản mà doanh nghiệp cần chuẩn bị để triển khai dự án trong doanh nghiệp, trong đó nhấn mạnh các điều kiện về hạ tầng CNTT, những kiến thức cơ bản của lãnh đạo và nhân viên trong doanh nghiệp.v.v., đồng thời cung cấp những quy trình giao dịch, những hiểu biết về điều kiện thanh toán, e-marketing, luật pháp, các hợp đồng kinh doanh thương mại nói chung và TMĐT nói riêng. Môn học cũng sử dụng một số phần mềm mô phỏng giúp cho sinh viên tiếp cận cách thức triển khai và điều hành một dự án kinh doanh cho một sản phẩm hoặc một doanh nghiệp cụ thể.

4.. Một số chương trình đào tạo quốc tế tại Việt Nam

4.1 Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam

Được thành lập vào năm 2001, Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam là đại học 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam và hiện cũng là đại học nước ngoài duy nhất hoạt động hoàn toàn độc lập tại Việt Nam. RMIT Việt Nam giảng dạy những ngành học giống như tại Đại học RMIT, Úc. Những ngành này không những phù hợp với nhu cầu của Việt Nam mà còn phù hợp với các nước phát triển và đang phát triển. Trong số những lĩnh vực đào tạo đang được giảng dạy tại trường, kinh doanh và thương mại thu hút được sự quan tâm của đông đảo sinh viên. Với cấu trúc chương trình gọn nhẹ, linh hoạt, chương trình đào tạo được tăng cường nhiều môn học mới, trong đó có các môn học liên quan tới TMĐT. Trong chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại, Cử nhân Kinh doanh (Kế toán và Hệ thống thông tin kinh doanh) tại trường, một số môn học TMĐT phổ biến là Tin học trong kinh doanh, Internet trong kinh doanh, CNTT trong kinh doanh, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kinh doanh.

Bảng 11: Chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại và Cử nhân kinh doanh tại Đại học RMIT Việt Nam

Chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại	Chương trình đào tạo Cử nhân Kinh doanh (Kế toán)	Chương trình đào tạo Cử nhân Kinh doanh (Hệ thống thông tin kinh doanh)
1. Nhập môn Kế toán 2. Nguyên lý tiếp thị 3. Tin học trong kinh doanh 4. Nhập môn hành vi tổ chức 5. Thống kê trong kinh doanh 6. Vật giá và thị trường 7. Kinh tế vĩ mô 8. Luật Thương mại 9. Lãnh đạo và Quản lý 10. Nhập môn hậu cần và quản lý chuỗi cung ứng 11. Kế toán quản trị 12. Internet trong kinh doanh 13. Giao tiếp trong kinh doanh 14. Tài chính kinh doanh 15. Quản lý quốc tế 16. Dự án doanh nghiệp	1. Tin học trong kinh doanh 2. Nhập môn Kế toán 3. Kinh tế vĩ mô 4. Thống kê trong kinh doanh 5. Nguyên lý tiếp thị 6. Luật Thương mại 7. Nhập môn hành vi tổ chức 8. Vật giá và thị trường 9. Kế toán tài chính 10. Tài chính kinh doanh 11. Luật doanh nghiệp 12. Kế toán doanh nghiệp 13. Quản lý chi phí và các ứng dụng 14. Kiểm toán 1 15. Thuế 1 16. Lý thuyết kế toán 17. Các vấn đề đạo đức trong kế toán 18. Doanh nghiệp nhỏ và kế toán viên 19. Kế toán quản trị và kinh doanh	1. Nhập môn Kế toán 2. Nguyên lý tiếp thị 3. Tin học trong kinh doanh 4. Nhập môn hành vi tổ chức 5. Thống kê trong kinh doanh 6. Vật giá và thị trường 7. Kinh tế vĩ mô 8. Luật Thương mại 9. Nguyên tắc cơ bản trong dữ liệu kinh doanh 10. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kinh doanh 11. CNTT trong kinh doanh 12. Nhập môn phát triển hệ thống thông tin kinh doanh 13. Xây dựng quan hệ trong kinh doanh 14. Phát triển hệ thống thông tin kinh doanh 15. Chiến lược và quản lý hệ thống thông tin kinh doanh 16. Quản lý dự án và thực tế chuyên môn của hệ thống thông tin 17. Dự án hệ thống thông tin kinh doanh
<i>Nguồn: Cuốn “Chương trình đào tạo 2010 – Sản phẩm để thành công” do Đại học RMIT Việt Nam xuất bản tháng 3/2010</i>		

4.2 Chương trình liên kết đào tạo thạc sỹ Thiết kế Hệ thống Thông tin giữa Đại học Hà Nội và Đại học Central Lancashire (Vương quốc Anh)

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép trường Đại học Hà Nội (Việt Nam) liên kết đào tạo với trường Đại học Central Lancashire – UCL (Vương quốc Anh), ngày 19 tháng 6 năm 2010, trường Đại học Hà Nội phối hợp với trường đại học Central Lancashire (Vương quốc Anh) và Đại sứ quán Anh tại Việt Nam đã tổ chức Hội thảo về chương trình đào tạo Thạc sỹ Thiết kế Hệ thống Thông tin.

Đây là chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành thiết kế hệ thống thông tin ở bậc sau đại học đầu tiên của Anh tại Việt Nam. Toàn bộ chương trình do giảng viên từ Đại học UCLan của Anh giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, học viên được hỗ trợ khóa học bồi dưỡng tiếng Anh đầu vào.

Chương trình được triển khai trong thời gian khoảng 12 tháng, thời gian học tập ngoài giờ hành chính thuận lợi cho người học. Học viên được hưởng mọi quyền lợi như học viên học tập tại Anh và được Đại học UCLan cấp bằng thạc sỹ. Học phí chỉ bằng 20% so với học ở bên Anh, được đóng làm nhiều lần trong quá trình học. Cơ sở vật chất, phương tiện học tập và giảng dạy đạt tiêu chuẩn đại học Anh quốc.

Hộp 7: Chương trình đào tạo thạc sỹ Công nghệ thông tin phối hợp giữa Đại học Hà Nội và Đại học UCLan (Vương quốc Anh)

Danh sách các môn học:

1. Phân tích nhu cầu người dùng (10 tín chỉ)
2. Quản lý dự án (10 tín chỉ)
3. Các phương pháp phát triển hệ thống (20 tín chỉ)
4. Thiết kế và xây dựng website (20 tín chỉ)
5. Ngôn ngữ truy vấn (10 tín chỉ)
6. Xây dựng cơ sở dữ liệu (20 tín chỉ)
7. Kinh doanh điện tử (10 tín chỉ)
8. Bài luận và Luận văn thạc sỹ

Nguồn: <http://fit.hanu.edu.vn/uclan>

KHUYẾN NGHỊ

Trước khi đưa ra các khuyến nghị, trên cơ sở tổng hợp kết quả cuộc điều tra, báo cáo này tóm tắt được một số kết quả nổi bật và các tồn tại trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực TMĐT thời gian 02 năm vừa qua như sau:

Vấn đề đầu tiên là công tác tuyển sinh (đầu vào) của các trường: Qua các buổi làm việc trực tiếp với một số trường và kết quả điều tra phỏng vấn, công tác tuyển sinh chuyên ngành TMĐT đang thuận lợi tại một số trường thuộc các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, công tác tuyển sinh lại gặp một số trở ngại tại các trường quy mô nhỏ hoặc tại các tỉnh xa. Tại những cơ sở đào tạo này, phần lớn sinh viên và phụ huynh chưa hiểu rõ về chuyên ngành TMĐT, chưa hình dung được nghề nghiệp và công việc sau khi tốt nghiệp, điều này dẫn đến tâm lý hoài nghi của sinh viên và phụ huynh về triển vọng phát triển nghề nghiệp. Đến nay, ngoài khoa TMĐT trường Đại học Thương Mại tuyển sinh khá đều đặn hàng năm với số lượng trung bình từ 220 - 250 sinh viên/khóa, một số trường đại học, cao đẳng tại các địa phương cũng gặp khó khăn trong vấn đề tuyển sinh. Một là, số lượng thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành TMĐT không nhiều, không đủ chỉ tiêu tuyển sinh, hai là, một số lượng không nhỏ sinh viên TMĐT có nhu cầu chuyển sang học chuyên ngành khác, dẫn đến không đủ sĩ số sinh viên để thành lập riêng một lớp học hoặc một khóa học TMĐT.

Vấn đề thứ hai là nguồn nhân lực: Với xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động thương mại là nhu cầu tất yếu và TMĐT sẽ trở thành một phương thức mới giao dịch mới trong thương mại nội địa và quốc tế. Trong thời gian sắp tới, nhu cầu nguồn nhân lực về TMĐT sẽ thực sự trở thành mối quan tâm và là nhu cầu chính đáng của nhiều doanh nghiệp. Các cơ sở đào tạo đều nhận thức được vấn đề và có kế hoạch triển khai đào tạo giảng viên, sinh viên. Tuy nhiên vấn đề nguồn lực triển khai gặp nhiều khó khăn. Vấn đề xây dựng đội ngũ giảng viên dạy TMĐT là mối quan ngại hàng đầu. Qua khảo sát tại một số trường đại học, cao đẳng tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, nhiều trường hiện vẫn chưa có giảng viên chuyên trách giảng dạy TMĐT, đa số các trường đều mời giảng viên từ các trường đại học lớn, tổ chức giảng viên kiêm nhiệm hoặc chuyên gia từ các trung tâm đào tạo và doanh nghiệp. Điều này phần nào cản trở tới việc xây dựng, quản lý nội dung chương trình, chất lượng đào tạo. Do vậy, việc xây dựng đội ngũ giảng viên chuyên trách và khẩn trương nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên TMĐT hiện tại là nhu cầu cấp bách, góp phần quyết định đến chất lượng chương trình đào tạo và chất lượng học tập của sinh viên.

Vấn đề thứ ba là tài liệu giảng dạy chuyên môn: Thương mại điện tử là một chuyên ngành mới, giao thoa giữa các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế và CNTT. Do đó, phần lớn các cơ sở đào tạo hiện chưa xác định rõ hay chưa thành lập riêng những tổ, bộ môn, khoa chuyên trách về TMĐT mà tạm thời giao cho một nhóm giảng viên kiêm nhiệm hay mời giảng viên thỉnh giảng. Do vậy, các môn học về TMĐT cũng đang trong tình

trạng nằm đan xen, là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo của một số chuyên ngành thuộc ngành QTKD, Hệ thống thông tin kinh tế, CNTT.v.v..Việc bố trí môn học TMĐT tại các chuyên ngành kinh tế hoặc CNTT cũng ảnh hưởng tới nội dung, tài liệu giảng dạy chuyên môn hay xu hướng đào tạo. Trên thế giới cũng như tại Việt Nam, đào tạo TMĐT có một số xu hướng cơ bản như sau: (i) một là xu hướng tập trung về hướng công nghệ ứng dụng, (ii) hai là xu hướng tập trung về quản lý kinh tế và (iii) ba là sự kết hợp giữa hai xu hướng trên (thường được dạy trong các khóa cao học). Tình hình đào tạo tại Việt Nam hiện phát triển theo cả ba xu hướng trên tùy theo nhận thức và quan điểm chuyên môn của mỗi nhà trường. Tuy nhiên, với thực trạng giáo dục đại học còn nhiều khiếm khuyết như hiện nay tại Việt Nam, việc thiếu đi định hướng thống nhất về đào tạo TMĐT sẽ làm hạn chế khả năng phát triển của lĩnh vực đào tạo đầy triển vọng này

Vấn đề thứ tư là bố trí công việc, vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp (đầu ra): Một trong những nguyên nhân gây trở ngại tới công tác tuyển sinh đầu vào chuyên ngành TMĐT hiện nay là tâm lý lo ngại của phần đông sinh viên và phụ huynh về triển vọng nghề nghiệp, công việc sau khi tốt nghiệp. So với các ngành học khác, TMĐT là một ngành học mới, hiện đại, phù hợp với xu hướng phát triển của thương mại thế giới. Tuy nhiên tại Việt Nam, các nhà quản lý doanh nghiệp cũng chưa có đánh giá đúng về ngành nghề mới này, từ đó dẫn đến tâm lý do dự khi nhận sinh viên mới tốt nghiệp chuyên ngành này hoặc đưa ra các tư vấn hướng nghiệp lệch lạc, gây ảnh hưởng đến tâm lý sinh viên và gia đình họ. Hơn nữa, văn hóa và thói quen tiêu dùng như hạn chế dùng tiền mặt, giao dịch, mua sắm qua mạng chưa thực sự phổ biến trong đông đảo tầng lớp dân cư, do vậy nhận thức xã hội (tâm lý số đông dân chúng) sẽ phần nào ảnh hưởng tới khả năng tìm kiếm công việc sau khi tốt nghiệp. Đến năm 2010, trường Đại học Thương Mại đã có 02 khóa sinh viên chuyên ngành TMĐT đã tốt nghiệp. Hầu hết các em đều tìm được những công việc và vị trí công tác phù hợp với chuyên môn được học.

Một vấn đề đáng chú ý khác là nhiều trường chưa triển khai hình thức đào tạo trực tuyến (e-Learning) giảng dạy TMĐT: Đào tạo trực tuyến có rất nhiều lợi ích và phát triển mạnh trên thế giới trong những năm gần đây và cũng là một hoạt động TMĐT cụ thể.⁴ Vì vậy, sử dụng hình thức đào tạo trực tuyến để giảng dạy TMĐT mang lại nhiều lợi ích cho hoạt động đào tạo và kinh doanh dịch vụ.

Trên cơ sở xem xét tình hình nguồn nhân lực triển khai TMĐT tại các doanh nghiệp, tình hình đào tạo TMĐT tại các trường đại học và cao đẳng trên phạm vi cả nước trong những năm qua, Cục TMĐT&CNTT khuyến nghị một số giải pháp sau nhằm đẩy mạnh hoạt động đào tạo TMĐT trình độ đại học và cao đẳng trong những năm tới:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong tầng lớp sinh viên về TMĐT và lợi ích của TMĐT (trong đó bao gồm nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp

⁴ Tham khảo Chương III - Đào tạo trực tuyến - Báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam 2009.

luật về TMĐT, phổ biến ứng dụng TMĐT): Sinh viên là bộ phận dân cư có trình độ dân trí cao, năng động và có nhiều cơ hội được tiếp xúc với kiến thức khoa học công nghệ hiện đại. Do đó, việc ứng dụng TMĐT, CNTT, Internet phục vụ các nhu cầu học tập và sinh hoạt đã trở nên quen thuộc với đa số sinh viên tại các trường. Hiện nay, nhiều sinh viên đã tích cực ứng dụng Internet phục vụ việc trao đổi thông tin hay mua bán hàng hóa qua mạng, dung thẻ thanh toán v.v... Tuy nhiên, tại một số trường tại các địa phương vùng sâu, vùng xa, TMĐT vẫn là khái niệm mới và do điều kiện kinh tế - xã hội, sinh viên chưa có dịp được giới thiệu và phổ biến thông tin về ứng dụng TMĐT và lợi ích của TMĐT. Do đó, trong thời gian tới, cần đẩy mạnh triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về TMĐT cho một bộ phận sinh viên kể trên. Ngoài ra, nội dung cũng đóng vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền là tăng cường giáo dục pháp luật và hướng dẫn thực thi pháp luật về TMĐT cho sinh viên. Từ đó, các em sẽ tự tin hơn khi tiến hành từng bước việc nghiên cứu TMĐT, trải nghiệm các giao dịch TMĐT từng mức độ từ thấp đến cao..

2. Phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành trong việc tăng cường công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về TMĐT: Trong đó, có các văn bản pháp luật phục vụ công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho TMĐT tại các trường đại học và cao đẳng, định hướng đào tạo nguồn nhân lực CNTT, TMĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong giai đoạn 2011 - 2015, theo nội dung tại Quyết định 1073, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần hợp tác chặt chẽ nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài việc đề ra nội dung hoạt động, hai cơ quan cần xây dựng lộ trình triển khai hợp lý và huy động các trường cùng tham gia triển khai, trong đó cần đặc biệt chú trọng công tác đẩy mạnh đào tạo chính quy về thương mại điện tử gồm ban hành chương trình khung về đào tạo, tăng cường giảng dạy kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong các trường dạy nghề, ứng dụng đào tạo trực tuyến trong hoạt động đào tạo TMĐT.

3. Tăng cường mối liên kết giữa các trường, cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp. Thương mại điện tử là lĩnh vực gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, sáng tạo và vận dụng thực tế. Do đó, vấn đề gắn học tập với thực hành, gắn nghiên cứu với thực tập tại các doanh nghiệp sẽ quyết định chất lượng đào tạo. Ngoài ra, việc huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo cũng sẽ góp phần giải quyết một số khó khăn ban đầu trong việc bố trí nguồn lực giảng dạy. Đặt trong mối quan hệ cung – cầu, cơ sở đào tạo là nơi cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp là những khách hàng có nhu cầu. Do đó, để đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, các trường cần liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp nhằm nắm bắt nhu cầu nhân lực, đào tạo theo đặt hàng hoặc liên kết đào tạo gắn học tập lý thuyết với thực tiễn.

Cục TMĐT&CNTT sẽ phối hợp với các trường, cơ quan nghiên cứu, Hiệp hội kinh doanh thương mại nhằm đẩy mạnh sự phối hợp của các cơ quan tham gia vào quá trình đào tạo TMĐT.

4. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, chuyển giao chương trình đào tạo tiên tiến và trao đổi chuyên gia: Với xu thế xã hội hóa hoạt động giáo dục đào tạo trong bối cảnh

hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ tại Việt Nam hiện nay, giáo dục và đào tạo được xem là ngành dịch vụ tiềm năng và mang tính xã hội nhân văn. Hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo TMĐT không thể nằm ngoài xu hướng này cũng do đặc thù của TMĐT mang yếu tố CNTT hỗ trợ thương mại xuyên biên giới. Để nhanh chóng theo kịp trình độ phát triển của thế giới và kịp thời cập nhật thông tin, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo TMĐT, một trong những giải pháp cần xem xét tới là tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm giảng dạy. Chương trình đào tạo, tài liệu giáo trình và giảng viên là những yếu tố cơ bản tạo cơ sở cho việc hình thành một khóa học hay chuyên ngành học mới. Do đó, các trường cần nghiên cứu, trao đổi chuyên gia và tham khảo chương trình TMĐT từ các trường đại học nổi tiếng thế giới, từ đó, các trường có những cải tiến về nội dung phù hợp với thực tiễn giảng dạy tại Việt Nam, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo lộ trình và kế hoạch đào tạo của mình.

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THAM GIA TRẢ LỜI PHIẾU ĐIỀU TRA
TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

STT	Tên trường
1	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên
3	Khoa Công nghệ Thông tin, Đại học Thái Nguyên
4	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
5	Học viện Tài chính
6	Đại học Bách khoa Hà Nội
7	Đại học Công đoàn
8	Đại học Hồng Đức
9	Đại học Hoa Lư
10	Đại học Hà Tĩnh
11	Đại học Hùng Vương
12	Đại học Kinh tế Quốc dân
13	Đại học Yersin Đà Lạt
14	Đại học Luật Hà Nội
15	Đại học Ngoại Thương
16	Đại học Nông nghiệp Hà Nội
17	Đại học Thủy lợi
18	Đại học Thương Mại
19	Đại học Xây dựng Hà Nội
20	Đại học Dân lập Phương Đông
21	Đại học Hà Hoa Tiên
22	Cao đẳng Du lịch Hà Nội
23	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Nghệ An
24	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thái Bình
25	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại
26	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên
27	Cao đẳng Thống kê
28	Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà
29	Cao đẳng Công nghệ Hà Nội
30	Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
31	Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
32	Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
33	Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
34	Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
35	Đại học Kinh tế - Đại học Huế
36	Khoa du lịch - Đại học Huế
37	Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng
38	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

39	Cao đẳng Công nghệ Thông tin - Đại học Đà Nẵng
40	Học viện Hàng Không Việt Nam
41	Đại học An Giang
42	Đại học Tài chính - Marketing
43	Đại học Tôn Đức Thắng
44	Đại học Bạc Liêu
45	Đại học Cần Thơ
46	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
47	Đại học Quảng Nam
48	Đại học Đồng Tháp
49	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
50	Đại học Tây Nguyên
51	Đại học Tiền Giang
52	Đại học Trà Vinh
53	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh
54	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
55	Đại học Cửu Long
56	Đại học Công nghệ Sài Gòn
57	Đại học Dân lập Duy Tân
58	Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh
59	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ TP. Hồ Chí Minh
60	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh
61	Đại học Dân lập Văn Lang
62	Đại học Hoa Sen
63	Đại học Phan Châu Trinh
64	Đại học Tây Đô
65	Đại học Tư thục Công nghệ Thông tin Gia Định
66	Đại học Võ Toàn
67	Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi
68	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Quảng Ngãi
69	Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận
70	Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp
71	Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
72	Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long
73	Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
74	Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại
75	Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng
76	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ
77	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Kiên Giang
78	Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Kon Tum
79	Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh
80	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long
81	Cao đẳng Lương thực Thực phẩm

82	Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long
83	Cao đẳng Tài chính Hải quan
84	Cao đẳng Tài chính Kế toán
85	Cao đẳng Thương Mại
86	Cao đẳng Xây dựng số 3
87	Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị
88	Cao đẳng Bến Tre
89	Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang
90	Cao đẳng Bách Việt
91	Cao đẳng Công nghệ Thông tin Hữu Nghị Việt Hàn
92	Cao đẳng Dân lập Công nghệ Thông tin TP. Hồ Chí Minh
93	Cao đẳng Dân lập Kinh tế Kỹ thuật Đông du Đà Nẵng
94	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
95	Cao đẳng Nguyễn Tất Thành
96	Cao đẳng Đức Trí - Đà Nẵng
97	Cao đẳng Tư thực Phương Đông - Quảng Nam
98	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp
99	Đại học Công nghiệp Hà Nội
100	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
101	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp II
102	Cao đẳng Cơ khí Luyện kim
103	Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên
104	Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
105	Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
106	Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm
107	Cao đẳng Công nghiệp Huế
108	Cao đẳng Công nghiệp Cẩm Phả
109	Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội
110	Đại học Sao Đỏ
111	Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp
112	Cao đẳng Kỹ thuật Khách sạn và Du lịch
113	Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ Công Thương Trung ương
114	Cao đẳng Nghề mỏ Hồng Cẩm
115	Cao đẳng Nghề mỏ Hữu Nghị
116	Đại học Điện lực
117	Cao đẳng Điện lực TP. Hồ Chí Minh
118	Cao đẳng Điện lực miền Trung
119	Cao đẳng Nghề Điện
120	Cao đẳng CN Dệt may Thời trang Hà Nội
121	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật VinatexTP. Hồ Chí Minh
122	Cao đẳng Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex
123	Cao đẳng Nghề Cơ điện luyện kim Thái Nguyên
124	Cao đẳng Công nghệ Viettronics

PHỤ LỤC 2
CÔNG VĂN VÀ PHIẾU ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG
MẠI ĐIỆN TỬ

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

Số: /TMĐT-ĐT

V/v khảo sát tình hình đào tạo thương mại điện tử tại trường đại học, cao đẳng toàn quốc năm 2010

Kính gửi: Quý trường

Thực hiện Quyết định số 222/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2006 - 2010, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin Bộ Công Thương tiến hành khảo sát đánh giá tình hình đào tạo thương mại điện tử (TMĐT) tại các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc.

Số liệu thu thập qua khảo sát sẽ là nguồn thông tin quan trọng để xây dựng Báo cáo tình hình đào tạo TMĐT tại các trường đại học và cao đẳng năm 2010 do Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì biên soạn với sự cộng tác của Quý trường.

Kính đề nghị Quý trường cung cấp thông tin theo nội dung của Phiếu điều tra kèm theo công văn. Thời hạn gửi Phiếu trước ngày **30/6/2010** về địa chỉ sau:

Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin – Bộ Công Thương,

Số 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Liên hệ: Anh Phạm Minh Quang – Phòng Đào tạo

Email: quangpm@moit.gov.vn

Điện thoại: (04) 2220 5399

Fax: (04) 2220 5397

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Quý trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT.

Tài liệu kèm theo:

- Phiếu điều tra tình hình đào tạo TMĐT tại các trường ĐH, CĐ năm 2010.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Quyền

PHIẾU ĐIỀU TRA
TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2010

Lưu ý: 1) Bộ Công Thương cam kết giữ bí mật các thông tin riêng của trường và chỉ dùng thông tin cung cấp tại phiếu điều tra này cho mục đích khảo sát, tổng hợp về tình hình đào tạo thương mại điện tử (TMĐT) tại các trường đại học, cao đẳng năm 2010

2) Với những câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, xin chọn câu trả lời thích hợp bằng cách đánh dấu X vào ô ☐ hoặc ☐ tương ứng

3) Dấu ☐: Chỉ chọn **một** trong các câu trả lời; Dấu ☐: có thể chọn **nhiều hơn một** câu trả lời

A. Thông tin chung

1. Tên trường:
2. Địa chỉ:
3. Địa chỉ website:Fax:
4. Thông tin liên hệ của người điền phiếu

Họ tên:

Chức vụ:

Điện thoại: Email:

5. Tổng số sinh viên hiện đang theo học tại trường:

Số sinh viên ngành Kinh tế: (ước tính) từ năm..... đến nay

Số sinh viên ngành CNTT: (ước tính)..... từ năm..... đến nay

Thương mại điện tử (TMĐT) là một lĩnh vực liên ngành kinh tế - CNTT&TT. Đến nay, tại Việt Nam TMĐT mới được đưa vào giảng dạy tại một số trường đại học và cao đẳng trong các khoa hoặc bộ môn thuộc lĩnh vực kinh tế và CNTT. Đặc biệt có một số trường đại học, cao đẳng đã đưa TMĐT thành chuyên ngành đào tạo và thành lập khoa/ bộ môn TMĐT. Nhiều giáo trình TMĐT đang được xây dựng và giảng dạy thành các môn học như quản trị kinh doanh, tài chính – kế toán, marketing, thương mại quốc tế, ngoại thương và thanh toán quốc tế, hệ thống thông tin, tin học ứng dụng, lập trình và CSDL, an ninh- an toàn thông tin ...

B. Tình hình đào tạo TMĐT của trường

I. Đào tạo TMĐT

1. Hiện nay Trường có giảng dạy môn học nào liên quan đến lĩnh vực TMĐT không ?
☐ Có ☐ Không
2. Nếu Có, Trường đã bắt đầu giảng dạy từ năm nào ?
(Đề nghị Quý trường gửi kèm theo nội dung chương trình giảng dạy của môn học thuộc ngành kinh tế và CNTT&TT)

II. Quy mô đào tạo TMĐT

1. Trường đào tạo TMĐT cho những ngành/chuyên ngành nào ?
☐ Kinh tế
☐ Công nghệ thông tin
☐ Khác
2. Trường có bộ phận chuyên trách về đào tạo TMĐT ?
☐ Khoa TMĐT Số lượng cán bộ. giảng viên:.....

☐ Bộ môn TMĐT Số lượng cán bộ, giảng viên:.....
 (Thuộc khoa nào ? (xin nêu rõ)
 Khác: (xin nêu rõ)

3. Trình độ, phương thức và hình thức đào tạo TMĐT ?

Đào tạo Trình độ	Phương thức			Hình thức	
	Tập trung	Kết hợp tập trung và trực tuyến	Trực tuyến	Môn học TMĐT	Chuyên ngành TMĐT
Cao đẳng nghề	☐	☐	☐	☐	☐
Cao đẳng	☐	☐	☐	☐	☐
Đại học	☐	☐	☐	☐	☐
Sau Đại học	☐	☐	☐	☐	☐

Khác: (xin nêu rõ)

4. Hiện Trường đang giảng dạy những môn học nào về TMĐT và số tiết học?

Môn học	Chuyên ngành TMĐT	Chuyên ngành khác	Môn học	Chuyên ngành TMĐT	Chuyên ngành khác
☐ Thương mại điện tử căn bản			☐ Quản trị hệ thống thông tin		
☐ Marketing điện tử (eMarketing)			☐ Công nghệ phần mềm		
☐ Pháp luật TMĐT			☐ Ứng dụng CNTT trong quản trị doanh nghiệp (ERP, CRM, SCM,...)		
☐ Thanh toán điện tử			☐ Xây dựng Website TMĐT		
☐ Quản trị tác nghiệp TMĐT B2B			☐ Phân tích, thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin		
☐ Quản trị TMĐT			☐ Lập trình		
☐ Chiến lược kinh doanh điện tử			☐ Cơ sở dữ liệu		
☐ An toàn, an ninh			☐ Phân tích, thiết kế hệ thống thông tin		
☐ Khác			☐ Khác		

- Số lượng sinh viên từ trước đến nay tham gia các lớp học, khoá đào tạo TMĐT của trường ước tính là bao nhiêu?
- Số lượng sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành TMĐT:
- Số lượng sinh viên đã tốt nghiệp ngành CNTT ước tính:
- Số lượng sinh viên đã tốt nghiệp ngành kinh tế ước tính:

III. Nguồn lực giảng viên

1. Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy các môn học về TMĐT:.....

Trong đó:

- ☐ Tiến sỹ Số lượng: đào tạo trong nước; đào tạo nước ngoài
☐ Thạc sỹ Số lượng: đào tạo trong nước; đào tạo nước ngoài
☐ Kỹ sư / Cử nhân Số lượng: đào tạo trong nước; đào tạo nước ngoài

Khác: (xin nêu rõ)

.....
Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy ngành Kinh tế:

Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy ngành CNTT:

2. Chuyên ngành giảng viên được đào tạo:

- ☐ Chuyên ngành về TMĐT
☐ Các ngành khác được bồi dưỡng thêm về TMĐT để giảng dạy

IV. Giáo trình, tài liệu

1. Giáo trình sử dụng để giảng dạy các môn về TMĐT ?

- ☐ Sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo trong nước khác
☐ Sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo của nước ngoài
☐ Do nhà trường tự biên soạn
☐ Do giáo viên tự biên soạn

Khác: (xin nêu rõ)

2. Nguồn tài liệu dùng để biên soạn giáo trình ?

Khoanh tròn vào mức độ phụ thuộc

	Phụ thuộc ít			Phụ thuộc nhiều		
☐ Của nước ngoài	1	2	3	4	5	
☐ Trong nước	1	2	3	4	5	
☐ Tự biên soạn	1	2	3	4	5	
☐ Các nguồn khác	1	2	3	4	5	

3. Nội dung cơ bản trong các tài liệu giảng dạy TMĐT tại trường gồm:

- ☐ Tổng quan TMĐT
☐ Chính sách, pháp luật TMĐT
☐ Chiến lược, kế hoạch, cách thức ứng dụng TMĐT hiệu quả
☐ Công nghệ ứng dụng trong TMĐT
☐ Giao dịch trong TMĐT
☐ An toàn, an ninh trong TMĐT
☐ Dự án TMĐT
☐ Khác:

V. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Trường có trang bị phòng thực hành dành cho đào tạo TMĐT ?

- ☐ Có ☐ Không (Nếu có, số lượng máy tính:)

2. Trường có phần mềm chuyên dụng thực hành về TMĐT ?

- ☐ Có ☐ Không

Nếu có, những phần mềm nào được sử dụng:

.....

3. Tổng số giờ thực hành về TMĐT chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng thời gian đào tạo các môn liên quan đến TMĐT

☐ 30% ☐ 20% ☐ 10% ☐ Khác %

VI. Kế hoạch phát triển ngành TMĐT của Trường

1. Trường có kế hoạch đưa TMĐT thành một chuyên ngành đào tạo không ?

☐ Có ☐ Không

2. Nếu có, Trường dự định thời gian nào ?

☐ Trong vòng 2 năm tới

☐ 3 đến 5 năm tới

☐ Chưa xác định thời điểm

3. Trường có kế hoạch phổ cập về TMĐT cho các ngành/chuyên ngành đào tạo không ?

☐ Có ☐ Không

C. Kế hoạch đào tạo TMĐT (dành cho các Trường chưa đào tạo TMĐT)

1. Trường có dự định đào tạo TMĐT không ?

☐ Có ☐ Không

2. Quy mô đào tạo

☐ Đào tạo TMĐT cho một số ngành/chuyên ngành

☐ Đào tạo chuyên ngành TMĐT

Khác: (xin nêu rõ)

3. Trình độ, phương thức và số lượng học viên (dự kiến)

Phương thức Trình độ	Tập trung	Tập trung kết hợp trực tuyến	Trực tuyến	SL học viên (dự kiến)
Cao đẳng nghề	☐	☐	☐	
Cao đẳng	☐	☐	☐	
Đại học	☐	☐	☐	
Sau Đại học	☐	☐	☐	

Khác: (xin nêu rõ)

4. Trường dự định triển khai kế hoạch đào tạo TMĐT trong thời gian nào ?

☐ Trong vòng 2 năm tới

☐ 3 đến 5 năm tới

☐ Chưa xác định thời điểm

D. Đề xuất chính sách và ý kiến đóng góp: với cơ quan quản lý Nhà nước và các ý kiến đóng góp khác để TMĐT phát triển:

☐ Phối hợp xây dựng chương trình đào tạo

☐ Hỗ trợ giảng dạy (thí điểm) TMĐT (bao gồm hỗ trợ giảng viên, tài liệu, giáo trình...)

☐ Tư vấn, hỗ trợ việc thành lập Khoa, Bộ môn TMĐT

☐ Đề xuất khác

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Trường./.

Đại diện cơ quan
(Ký tên & đóng dấu)

PHỤ LỤC 3
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ
KINH DOANH

Chương trình khung giáo dục đại học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Mã ngành :

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2004/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)⁵

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị kinh doanh, những kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; Có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; Biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới. Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

180 đơn vị học trình (viết tắt là đvht), chưa kể phần nội dung về Giáo dục Thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

Thời gian đào tạo 4 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

đvht

2.2.1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	64
2.2.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu Trong đó tối thiểu :	116
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	8
	- Kiến thức cơ sở ngành	12
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	45
	- Kiến thức bổ trợ	
	- Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)	15

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

52 đvht*

⁵ Nguồn: <http://vanban.moet.gov.vn/?page=1.15&script=viewdoc&view=16314&opt=brpage>

1	Triết học Mác-Lênin	6
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	8
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Ngoại ngữ	10
7	Toán cao cấp	6
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4
9	Pháp luật đại cương	3
10	Tin học đại cương	4
11	Giáo dục Thể chất	5
12	Giáo dục Quốc phòng	165 tiết

* Chưa tính các học phần 11&12

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

36 đvht

a. Kiến thức cơ sở của khối ngành

8 đvht

1	Kinh tế vi mô I	4
2	Kinh tế vĩ mô I	4

b. Kiến thức cơ sở của ngành

12 đvht

1	Marketing căn bản	4
2	Nguyên lý kế toán	4
3	Kinh tế lượng	4

c. Kiến thức ngành

16 đvht

1	Quản trị học	4
2	Quản trị chiến lược	4
3	Quản trị nhân lực	4
4	Quản trị tài chính	4

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Triết học Mác-Lênin

6 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

8 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

4 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 34/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

4 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Ngoại ngữ (cơ bản)

10 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

7. Toán cao cấp

6 đvht

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Dạng toàn phương; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; Hàm nhiều biến và hàm ẩn; Các bài toán cực trị; Phép tính tích phân; Phương trình vi phân; Phương trình sai phân.

8. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Tin học đại cương, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

- Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.
- Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

9. Pháp luật đại cương

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

10. Tin học đại cương

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế-Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến 5 khối kiến thức: 1/ Một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. 2/ Các hệ điều

hành MS DOS và WINDOWS. 3/ Soạn thảo văn bản trên máy tính. 4/ Sử dụng bảng tính Excel. 5/ Sử dụng các dịch vụ cơ bản của INTERNET. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

11. Giáo dục Thể chất

5 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Giáo dục Quốc phòng

165 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13. Kinh tế vi mô I

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

14. Kinh tế vĩ mô I

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô I.

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm : Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố qui định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

15. Marketing căn bản

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing; Môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản trị Marketing của doanh nghiệp.

16. Nguyên lý kế toán

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Kinh tế vĩ mô I, Kinh tế vi mô I.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

17. Kinh tế lượng

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Toán cao cấp, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Tin học đại cương.

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

18. Quản trị học

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

19. Quản trị chiến lược

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, các học phần kiến thức cơ sở ngành.

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

20. Quản trị nhân lực

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

21. Quản trị tài chính

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Nguyên lý kế toán.

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung ngành quản trị kinh doanh để thiết kế các chương trình đào tạo cụ thể

Chương trình khung giáo dục là những qui định nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho từng ngành đào tạo và ứng với từng trình độ đào tạo, do đó là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

4.1 Chương trình khung trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng của chúng đưa ra tại mục 3 chỉ là những qui định bắt buộc tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 1 và 2, các trường bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng thành chương trình đào tạo cụ thể của trường mình với tổng khối lượng không dưới 180 đvht (không kể các nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4.2 Phần kiến thức chuyên ngành (nếu có) thuộc ngành Quản trị kinh doanh có thể được thiết kế theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Quản trị kinh doanh, hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ hai khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

4.3 Phần kiến thức bổ trợ (nếu có), có thể được trường thiết kế theo một trong hai hướng sau:

- Bố trí các nội dung được lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi trong việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

- Bố trí các học phần có nội dung thuộc một ngành đào tạo thứ hai khác với ngành Quản trị kinh doanh nhằm giúp mở rộng phạm vi hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trong trường hợp mảng kiến thức ngành thứ hai có khối lượng bằng hoặc vượt 25 đvht, chương trình mới được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu ngành chính (Major) - ngành phụ (Minor). Còn nếu khối lượng mảng kiến thức của ngành thứ hai vượt quá 45 đvht chương trình được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu song ngành (Double Majors).

Trường hợp đặc biệt khi chương trình mới tạo ra thỏa mãn đồng thời những quy định về chương trình khung tương ứng với hai ngành đào tạo khác nhau thì người tốt nghiệp sẽ được nhận hai văn bằng đại học. Đương nhiên trong trường hợp này, khối lượng kiến thức của toàn chương trình và thời gian đào tạo theo thiết kế sẽ lớn hơn nhiều so với ba kiểu cấu trúc trên.

4.4. Hiệu trưởng các trường đại học ký quyết định ban hành các chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh để triển khai thực hiện trong phạm vi trường mình.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Bành Tiến Long

PHỤ LỤC 4
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH HỆ THỐNG
THÔNG TIN KINH TẾ

Chương trình khung giáo dục đại học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin kinh tế (Economic information Systems)

Mã ngành :

Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo⁶

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội và quản trị kinh doanh, có kiến thức chuyên sâu về Tin học kinh tế và Tin học quản lý, có năng lực tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học trong hoạt động của các tổ chức kinh tế-xã hội. Sinh viên tốt nghiệp làm việc tại các bộ phận tin học trong các doanh nghiệp và các cơ quan Nhà nước.

2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

180 đơn vị học trình (viết tắt là đvht), chưa kể phần nội dung về Giáo dục Thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

Thời gian đào tạo 4 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

đvht

2.2.1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	64
2.2.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu Trong đó tối thiểu :	116
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	8
	- Kiến thức cơ sở ngành	22
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	45
	- Kiến thức bổ trợ	

⁶ Nguồn: <http://vanban.moet.gov.vn/?page=1.15&script=viewdoc&view=16314&opt=brpage>

	- Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)	15
--	---	----

3. KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 52 đvht*

1	Triết học Mác-Lênin	6
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	8
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Ngoại ngữ	10
7	Toán cao cấp	6
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4
9	Pháp luật đại cương	3
10	Tin học đại cương	4
11	Giáo dục Thể chất	5
12	Giáo dục Quốc phòng	165 tiết

* Chưa tính các học phần 11&12

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 50 đvht

a. Kiến thức cơ sở của khối ngành 8 đvht

1	Kinh tế vi mô I	4
2	Kinh tế vĩ mô I	4

b. Kiến thức cơ sở của ngành 22 đvht

1	Nguyên lý kế toán	4
2	Quản trị học	4
3	Toán rời rạc	5
4	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	5
5	Hệ thống thông tin quản lý	4

c. Kiến thức ngành 20 đvht

1	Cơ sở lập trình	4
2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4
3	Cơ sở dữ liệu	4

4	Phát triển hệ thống thông tin kinh tế	4
5	Mạng và truyền thông	4

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Triết học Mác-Lênin

6 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

8 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

4 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 34/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

4 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Ngoại ngữ (cơ bản)

10 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

7. Toán cao cấp

6 đvht

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Dạng toàn phương; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; Hàm nhiều biến và hàm ẩn; Các bài toán cực trị; Phép tính tích phân; Phương trình vi phân; Phương trình sai phân.

8. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Tin học đại cương, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

- Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.
- Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

9. Pháp luật đại cương

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

10. Tin học đại cương

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế-Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến 5 khối kiến thức: 1/ Một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. 2/ Các hệ điều hành MS DOS và WINDOWS. 3/ Soạn thảo văn bản trên máy tính. 4/ Sử dụng bảng tính Excel. 5/ Sử dụng các dịch vụ cơ bản của INTERNET. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

11. Giáo dục Thể chất

5 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/ GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Giáo dục Quốc phòng

165 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13. Kinh tế vi mô I

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

14. Kinh tế vĩ mô I

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô I.

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố qui định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

15. Nguyên lý kế toán

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô I, Kinh tế vi mô I

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

16. Quản trị học

4 đvht

Điều kiện tiên quyết : Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học

phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

17. Toán rời rạc

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, ở cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Học phần còn giúp sinh viên hình thành tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn "rời rạc hóa những quá trình liên tục"; nhờ vậy, họ sẽ có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

18 Kiến trúc máy tính và hệ điều hành

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Kiến trúc máy tính điện tử và Hệ điều hành làm cơ sở cho các học phần khác về khoa học máy tính và hệ thống thông tin kinh tế.

Nội dung của học phần bao gồm các chủ đề: 1/ Phân loại máy tính, 2/ Kiến trúc, nguyên lý hoạt động và chức năng của các khối cơ bản thuộc phần cứng của máy tính điện tử như: bộ xử lý trung tâm, bộ nhớ, các thiết bị vào ra, các kênh truyền tin, 3/ Các phương pháp đo năng lực của máy tính điện tử, 4/ Khái niệm hệ điều hành, 5/ Phân loại hệ điều hành, 6/ Các chức năng của hệ điều hành, 7/ Các module chính của hệ điều hành như quản lý các tiến trình, quản lý và cấp phát bộ nhớ... 8/ Cài đặt và sử dụng một vài hệ điều hành thông dụng.

19. Hệ thống thông tin quản lý

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức kinh tế xã hội hiện đại. Học phần trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức hệ thống thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm

góp phần tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh.

Nội dung của học phần bao gồm: Những khái niệm cơ sở về hệ thống thông tin quản lý; Các yếu tố cấu thành; Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống trong tổ chức; Những phương thức mà hệ thống trợ giúp các hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh; Quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin; Nghiên cứu một vài hệ thống thông tin tiêu biểu dưới dạng khảo sát tình huống (Case Study).

20. Cơ sở lập trình

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Học phần giới thiệu những khái niệm và nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thuật toán và lập chương trình cho máy tính điện tử. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ sở về thuật toán và chương trình, các cấu trúc dữ liệu tiền định trong ngôn ngữ thuật toán, các cấu trúc điều khiển, các kỹ thuật lập trình căn bản để giải các bài toán quản lý mà đặc biệt là kỹ thuật thiết kế "trên xuống (top-down design)" và kỹ thuật lập chương trình con. Một ngôn ngữ lập trình hiện đại thông dụng sẽ được dùng làm phương tiện để trình bày.

21. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình

Học phần giúp sinh viên thực sự hiểu được tầm quan trọng của giải thuật và các tổ chức dữ liệu - hai thành tố quan trọng nhất của một chương trình lập cho máy tính điện tử. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy. Các kiểu cấu trúc dữ liệu được nghiên cứu bao gồm: Danh sách (List), Mảng (Array), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack), Hàng đợi (Queue), Cây (Tree) và Đồ thị (Graph).

22. Cơ sở dữ liệu

4 đvht

Điều kiện tiên quyết : Toán rời rạc

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về các hệ thống cơ sở dữ liệu và bao hàm những khái niệm về quản lý dữ liệu, ngân hàng dữ liệu, mô hình hoá dữ liệu - các loại mô hình, quan hệ giữa các thực thể, chuẩn hoá dữ liệu, ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc SQL (Structured Query Language) và các hệ thống

quản trị cơ sở dữ liệu. Cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ cũng được đề cập đến. Sinh viên học xong học phần này sẽ nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế-xã hội, có khả năng thiết kế và tạo lập những cơ sở dữ liệu dựa trên một hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng, có khả năng sử dụng ngôn ngữ SQL và một ngôn ngữ nào đó để lập trình quản lý cơ sở dữ liệu.

23. Phát triển hệ thống thông tin kinh tế

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý, Cơ sở dữ liệu

Học phần trình bày các khái niệm phân tích, thiết kế và cài đặt hệ thống thông tin theo năm công đoạn của chu kỳ phát triển hệ thống: Hình thành và đánh giá tính khả thi của dự án xây dựng hệ thống; Phân tích hệ thống; Thiết kế hệ thống; Triển khai cài đặt hệ thống; Vận hành và bảo trì hệ thống. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có tầm nhìn hệ thống thông tin dưới góc độ của nhà quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh, hiểu được quy trình phát triển hệ thống và nắm được những kỹ thuật cần thiết cho quá trình phân tích, thiết kế và cài đặt hệ thống.

24. Mạng và truyền thông

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về mạng máy tính và truyền thông. Nội dung của học phần bao hàm: Các đặc trưng và thành phần của các kiểu mạng như LAN, WAN, Internet...; Các khái niệm liên quan đến mỗi tầng trong mô hình OSI; Cách sử dụng các cấu kiện mạng như Cables, NIC, Modems, Repeaters... trong quy trình thiết kế một mạng LAN và việc quản trị mạng. Một hệ điều hành mạng tiêu biểu như Novelle Netware hay Windows XP sẽ được chọn lựa làm phương tiện để trình bày.

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ ĐỂ THIẾT KẾ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

Chương trình khung giáo dục là những qui định nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho từng ngành đào tạo và ứng với từng trình độ đào tạo, do đó là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

4.1. Chương trình khung trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin kinh tế được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Danh mục các học phần (môn học) và

khối lượng của chúng đưa ra tại mục 3 chỉ là những qui định bắt buộc tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 1 và 2, các trường bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng thành chương trình đào tạo cụ thể của trường mình với tổng khối lượng không dưới 180 ĐVHT (không kể các nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4.2. Phần kiến thức chuyên ngành (nếu có) thuộc ngành Hệ thống thông tin Kinh tế có thể được thiết kế theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Hệ thống thông tin Kinh tế, hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ hai khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

4.3. Phần kiến thức bổ trợ (nếu có), có thể được trường thiết kế theo một trong hai hướng sau:

- Bố trí các nội dung được lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi trong việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

- Bố trí các học phần có nội dung thuộc một ngành đào tạo thứ hai khác với ngành Hệ thống thông tin kinh tế, nhằm giúp mở rộng phạm vi hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trong trường hợp mảng kiến thức ngành thứ hai có khối lượng bằng hoặc vượt 25 đvht, chương trình mới được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu ngành chính (Major)-ngành phụ (Minor). Còn nếu khối lượng mảng kiến thức của ngành thứ hai vượt quá 45 đvht chương trình được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu song ngành (Double Majors).

Trường hợp đặc biệt khi chương trình mới tạo ra thỏa mãn đồng thời những quy định về chương trình khung tương ứng với hai ngành đào tạo khác nhau thì người tốt nghiệp sẽ được nhận hai văn bằng đại học. Đương nhiên trong trường hợp này, khối lượng kiến thức của toàn chương trình và thời gian đào tạo theo thiết kế sẽ lớn hơn nhiều so với ba kiểu cấu trúc trên

4.4 Hiệu trưởng các trường đại học ký quyết định ban hành các chương trình đào tạo ngành Hệ thống Thông tin kinh tế để triển khai thực hiện trong phạm vi trường mình

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Bành Tiến Long

PHỤ LỤC 5

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC CAO ĐẲNG NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)

Mã ngành:

Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo⁷

1. Mục tiêu đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh, các kiến thức về hệ thống thông tin quản lý; có kỹ năng ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt ứng dụng tin học vào các hoạt động quản lý kinh tế và kinh doanh.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc của các lập trình viên, phân tích viên hệ thống ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, cơ quan và tổ chức.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

140 đơn vị học trình (viết tắt là đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục Thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (135 tiết).

Thời gian đào tạo 3 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

		đvht
2.2.1.	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	43
2.2.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu Trong đó tối thiểu:	97
	- Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	27
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	45
	- Kiến thức bổ trợ	
	- Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp	13

3. khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

⁷ Nguồn: <http://vanban.moet.gov.vn/?page=1.15&script=viewdoc&view=16314&opt=brpage>

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương**37 đvht ***

1	Triết học Mác – Lênin	4
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	6
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Ngoại ngữ	10
7	Toán cao cấp	4
8	Tin học đại cương	4
9	Giáo dục Thể chất	3
10	Giáo dục Quốc phòng	135 tiết

* Chưa tính các học phần 9 và 10

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**47 đvht****a. Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành****27 đvht**

1	Kinh tế vi mô	4
2	Pháp luật kinh tế	3
3	Nguyên lý kế toán	4
4	Quản trị học	3
5	Toán rời rạc	4
6	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	5
7	Hệ thống thông tin quản lý	4

b. Kiến thức ngành**20 đvht**

1	Cơ sở lập trình	4
2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4
3	Cơ sở dữ liệu	4
4	Mạng máy tính và truyền thông	4
5	Phát triển hệ thống thông tin	4

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc**1. Triết học Mác-Lênin****4 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 08 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**6 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 08 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**3 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 34/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**3 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**3 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Ngoại ngữ (Anh văn)**10 đvht**

Cung cấp những kiến thức và kỹ năng căn bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level), đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông.

7. Toán cao cấp**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: Hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để sinh viên có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lô-gic, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

8. Tin học đại cương**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người sử dụng. Học phần bao gồm 5 nội dung sau: 1- Một số khái niệm cơ bản về tin học và máy tính; 2- Sử dụng hệ điều hành MS DOS và WINDOWS; 3- Soạn thảo văn bản trên máy tính; 4- Sử dụng bảng tính EXCEL; 5- Khai thác các dịch vụ cơ bản của mạng toàn cầu Internet. Đồng thời còn giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

9. Giáo dục Thể chất**3 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Giáo dục Quốc phòng**135 tiết**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-GD-ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Kinh tế vi mô**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Toán cao cấp

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như: quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh và hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Từ đó sinh viên có những kiến thức cơ bản giúp họ biết cách phân tích các vấn đề về sử dụng nguồn lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế.

12. Pháp luật kinh tế**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; hành vi, phương thức thực hiện và

các chế tài với hành vi kinh doanh; quy định về sử dụng lao động trong doanh nghiệp; các quy định về hợp đồng kinh tế; tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh; phá sản doanh nghiệp.

13. Nguyên lý kế toán

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kế toán: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán, các phương pháp kế toán cơ bản như phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

14. Quản trị học

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Pháp luật kinh tế

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng nghiên cứu, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Ngoài ra nội dung học phần đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược và quản trị nguồn nhân lực.

15. Toán rời rạc

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần trang bị những kiến thức nền tảng làm cơ sở cho việc học tập các môn tin học thuộc cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm, bao gồm: những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp; đại số mệnh đề: Lý thuyết thuật toán; lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số. Chúng còn giúp sinh viên tư duy lô-gic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hoá những quá trình liên tục”.

16. Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành

5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần cứng của máy tính và hệ điều hành. Nội dung của khối kiến thức kiến trúc máy tính gồm các vấn đề sau: 1- Phân loại máy tính; 2 –Kiến trúc, nguyên lý hoạt động và chức năng của các khối cơ bản thuộc phần cứng của máy tính điện tử. Nội dung khối kiến thức về hệ điều hành gồm các vấn đề: 1- Khái niệm hệ điều hành; 2- Phân loại hệ điều hành; 3- Các chức năng của hệ điều hành; 4- Các module chính của hệ điều hành; 5- Cài đặt và sử dụng một vài hệ điều hành thông dụng.

17. Hệ thống thông tin quản lý

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Quản trị học

Học phần cung cấp cách sử dụng và tái tổ chức lại hệ thống thông tin để khai thác hệ thống một cách hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản sau đây: 1- Những khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý; 2 – Các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin quản lý; 3 – Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống trong tổ chức; 4- Những phương thức hệ thống thông tin quản lý trợ giúp các hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh; 5 – Quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống

thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin; 6 – Nghiên cứu một vài hệ thống thông tin tiêu biểu dưới dạng các bài tập tình huống (Case Study).

18. Cơ sở lập trình

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thuật toán và lập chương trình cho máy tính. Học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản về thuật toán và chương trình, các cấu trúc dữ liệu tiền định trong ngôn ngữ thuật toán, các kiểu cấu trúc chương trình thông dụng như cấu trúc tuần tự, cấu trúc phân nhánh, cấu trúc lặp, kỹ thuật sử dụng chương trình con – SUB – PROGRAM, phương pháp thiết kế từ đỉnh xuống – Top – Down Design. Một ngôn ngữ lập trình cấp cao sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày các kiến thức của học phần.

19. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình

Học phần giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của giải thuật và các tổ chức dữ liệu – hai thành tố quan trọng nhất của một chương trình lập cho máy tính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giải thuật, phương pháp thiết kế giải thuật, phương pháp đánh giá độ phức tạp của giải thuật, các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy, bao gồm danh sách – List, mảng – Array, danh sách liên kết – Linked List, ngăn xếp – Stack, hàng đợi – Queue, cây – Tree và đồ thị – Graph.

20. Cơ sở dữ liệu

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: tầm quan trọng của việc quản lý dữ liệu và cách sử dụng thông tin theo quan điểm của các nhà quản lý; cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ, kỹ thuật mô hình hoá dữ liệu và ngôn ngữ SQL, một ngôn ngữ được dùng rộng rãi để truy vấn các cơ sở dữ liệu; việc tạo lập và sử dụng các cơ sở dữ liệu nhờ hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access, một hệ quản trị cơ sở dữ liệu vừa được đánh giá là chiếm phần thị trường lớn nhất hiện nay, kỹ năng Visual Basic để xử lý dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu. Lý thuyết về kiến thức cơ sở dữ liệu để giúp sinh viên có ý thức về phương hướng phát triển của công nghệ cơ sở dữ liệu. Việc giảng dạy và học tập học phần này đòi hỏi phải thực hành với máy vi tính nên lệ thuộc rất nhiều vào số lượng và mức độ hiện đại của các phòng máy tính hiện có.

21. Mạng máy tính và truyền thông

4đvht

Điều kiện tiên quyết: Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng máy tính và truyền thông. Nội dung của học phần bao gồm: 1- Các đặc trưng và thành phần của các kiểu mạng như LAN, WAN, Internet...; 2- Các khái niệm liên quan đến mỗi tầng trong mô hình OSI; 3- Cách sử dụng các cấu kiện mạng như Cables, NIC, Modems Repeaters...trong quy trình thiết kế mạng; 4- Quản trị mạng. Một hệ điều hành mạng tiêu biểu sẽ được chọn lựa làm phương tiện để trình bày những kiến thức cơ bản của học phần.

22. Phát triển hệ thống thông tin

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý, Cơ sở dữ liệu

Học phần trình bày: khái niệm phân tích, thiết kế và cài đặt hệ thống thông tin quản lý theo 5 công đoạn của chu kỳ phát triển hệ thống thông tin. Đó là: 1- Đánh giá tính khả thi của dự án xây dựng hệ thống thông tin; 2 – Phân tích hệ thống; 3- Thiết kế hệ thống thông tin quản lý; 4- Cài đặt hệ thống thông tin quản lý; 5 – Vận hành và bảo trì hệ thống thông tin quản lý. Ngoài ra nội dung học phần đi sâu nghiên cứu qui trình phát triển và những kỹ thuật cần thiết cho quá trình xây dựng một hệ thống thông tin quản lý như sử dụng mô hình BFD và DFD.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung ngành hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng để thiết kế các chương trình đào tạo cụ thể.

Chương trình khung giáo dục là những quy định của nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho từng ngành đào tạo và ứng với từng trình độ đào tạo. Đây là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

4.1. Chương trình khung ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng của chúng quy định tại mục 3 của văn bản này chỉ là những quy định bắt buộc tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 1 và 2, các trường bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể của trường mình với tổng khối lượng không dưới 140 đvht (chưa kể các nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4.2. Phần kiến thức chuyên ngành (nếu có) thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý có thể được thiết kế theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Hệ thống thông tin quản lý, hoặc theo hướng phát triển theo một ngành thứ hai khác. Ví dụ như: Tin học kinh tế, Tin học quản lý, Tin học kế toán...

Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

4.3. Phần kiến thức bổ trợ (nếu có) được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được chọn tự do, liên quan tới một hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Hệ thống thông tin quản lý, nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4.4. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng cần được phát triển theo hướng coi trọng tính tác nghiệp cho sinh viên, giúp họ có khả năng hoà nhập vào môi trường hoạt động của một ngành khoa học giao thoa đang phát triển vô cùng mau lẹ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý.

4.5. Giám đốc các đại học (học viện), Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng để triển khai thực hiện trong phạm vi trường mình.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)
Bành Tiến Long

PHỤ LỤC 6

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC CAO ĐẲNG NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Trình độ đào tạo:

Cao đẳng

Ngành đào tạo:

Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Mã ngành:

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2004/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 7 năm 2004 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo⁸*

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo các tác nghiệp viên kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; nắm vững các kiến thức về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp; có kỹ năng cơ bản để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt trong một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc tất cả các thành phần kinh tế.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

140 đơn vị học trình (viết tắt là đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục Thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (135 tiết)

Thời gian đào tạo 3 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

đvht

2.2.1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	43
2.2.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu Trong đó tối thiểu :	97
	- Kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành	18
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	45
	- Kiến thức bổ trợ	
	- Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp	13

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

37 đvht*

1	Triết học Mác-Lênin	4
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	6

⁸ Nguồn: <http://vanban.moet.gov.vn/?page=1.15&script=viewdoc&view=16314&opt=brpage>

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Toán cao cấp	4
7	Ngoại ngữ	10
8	Tin học đại cương	4
9	Giáo dục Thể chất	3
10	Giáo dục Quốc phòng	135 tiết

* Chưa tính các học phần 9&10

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp **36 đvht**

a. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành **18 đvht**

1	Kinh tế vi mô	4
2	Pháp luật kinh tế	3
3	Quản trị học	3
4	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	4
5	Toán kinh tế	4

b. Kiến thức ngành **18 đvht**

1	Maketing căn bản	3
2	Nguyên lý kế toán	3
3	Tài chính – Tín dụng	3
4	Quản lý chất lượng	3
5	Hệ thống thông tin quản lý	3
6	Thống kê kinh doanh	3

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Triết học Mác-Lênin **4 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin **6 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học **3 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 34/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam **4 đvht**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Toán cao cấp

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để sinh viên có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy logic, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

7. Ngoại ngữ (cơ bản)

10 đvht

Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu thuận lợi những bài học ở cấp độ cao hơn. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp (Intermediate level), đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

8. Tin học đại cương

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Cung cấp những kiến thức đại cương về tin học, về cấu tạo và vận hành của máy tính điện tử, cách sử dụng một số hệ điều hành thông dụng (MS DOS, WINDOWS) và khai thác mạng máy tính nhằm giúp cho sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy tính trong học tập cũng như trong các hoạt động của mình sau này.

9. Giáo dục Thể chất

3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Giáo dục Quốc phòng

135 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Kinh tế vi mô

4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lê nin, Toán cao cấp.

Trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường và những vấn đề cơ bản của kinh tế học vi mô tạo điều kiện cho sinh viên có thể tiếp thu được các môn kinh tế ngành và các môn chuyên ngành theo chương trình đào tạo quản trị kinh doanh ở trình độ cao đẳng.

12. Pháp luật kinh tế

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về: Những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; Hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh; Quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh; Các quy định về hợp đồng kinh tế; Tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh; Phá sản doanh nghiệp.

13. Quản trị học**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Pháp luật kinh tế.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cũng như việc vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại), các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra, kiểm soát). Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

14. Marketing căn bản**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học, Tin học đại cương.

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Định nghĩa marketing hiện đại; Đại cương hoạt động marketing của doanh nghiệp như môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường của nó, bao gồm: chiến lược và các chính sách marketing căn bản, tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.

15. Tin học ứng dụng trong kinh doanh**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Kinh tế vi mô, Quản trị học và Marketing căn bản

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh; Những ứng dụng của các phần mềm Foxpro, Winwords, Excel trong các bài toán kinh doanh và các kỹ thuật quản trị; Xử lý, gửi, nhận tin trên mạng cục bộ cũng như Internet.

16. Toán kinh tế**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô, Quản trị học, Tin học đại cương, Marketing căn bản.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về xác suất, hàm ngẫu nhiên, đại lượng ngẫu nhiên, các phân bố xác suất thông dụng và các đặc trưng của chúng, lý thuyết toán thống kê, các bài toán ước lượng kiểm định và các kiến thức cơ bản khác như giải các bài toán đơn hình, bài toán vận tải, sơ đồ mạng lưới, những ứng dụng vào các môn học chuyên ngành như Thống kê, Marketing, Quản trị sản xuất...

17. Nguyên lý kế toán**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học, Tin học đại cương.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng nó vào doanh nghiệp, bao gồm: Các khái niệm và phạm vi của kế toán; Các kỹ thuật ghi chép và lập báo cáo kế toán tài chính; Các phương pháp tác nghiệp của kế toán như: phương pháp chứng từ và sổ sách kế toán, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán; Các nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp.

18. Tài chính-Tín dụng**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. Giới thiệu cấu trúc, sự hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: tài chính Nhà nước, tài chính khu vực phi tài chính, tài chính của khu vực tài chính, tài chính các hộ gia đình và tài chính các tổ chức xã hội trong nền kinh tế thị trường mở.

19. Quản lý chất lượng

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học, Marketing căn bản, Toán kinh tế.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng như: Chất lượng sản phẩm; Quá trình phát triển của quản lý chất lượng, chi phí chất lượng; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Hệ thống chất lượng; Kiểm tra và đánh giá chất lượng; Các công cụ thống kê sử dụng trong quản lý chất lượng.

20. Hệ thống thông tin quản lý

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Tin học đại cương, Tin học ứng dụng trong kinh doanh, Marketing căn bản.

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức và doanh nghiệp. Nội dung bao gồm những khái niệm cơ sở của hệ thống thông tin, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nó trong doanh nghiệp; Những cách thức trợ giúp hoạt động kinh doanh, trợ giúp ra quyết định và tạo lợi thế cạnh tranh; Quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin.

21. Thống kê kinh doanh

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học, Toán kinh tế.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp: Các phương pháp điều tra, chọn mẫu, phân tích và tổng hợp; Các phương pháp thống kê về doanh thu, chi phí và giá thành, kết quả và hiệu quả kinh doanh.

4. hướng dẫn sử dụng chương trình khung trình độ cao đẳng ngành quản trị kinh doanh để thiết kế các chương trình đào tạo cụ thể

Chương trình khung giáo dục là những qui định nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho từng ngành đào tạo và ứng với từng trình độ đào tạo, do đó là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

4.1. Chương trình khung trình độ cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành (Single Major). Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng của chúng đưa ra tại mục 3 chỉ là những quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 1 và 2, các trường

bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể của trường mình trong phạm vi không dưới 140 đvht (chưa kể các nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4.2. Phần kiến thức chuyên ngành (nếu có) thuộc ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng theo từng lĩnh vực chuyên sâu của ngành Quản trị kinh doanh, hoặc kết hợp nhiều lĩnh vực chuyên sâu, hoặc theo hướng phát triển sang một ngành mới khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

Các chuyên ngành cụ thể có thể được lựa chọn từ một trong ba nhóm sau:

- Những chuyên ngành về quản trị kinh doanh tổng hợp cho từng lĩnh vực kinh doanh xác định (Thí dụ như: Quản trị kinh doanh (QTKD) công nghiệp, QTKD nông nghiệp, QTKD thương mại, QTKD khách sạn, du lịch, QTKD bất động sản...).

- Những chuyên ngành theo từng lĩnh vực chức năng tác nghiệp của quản trị kinh doanh (Marketing và Bán hàng, Quảng cáo và Truyền thông kinh doanh, Kinh doanh và Thương mại quốc tế...).

- Những chuyên ngành theo hướng phát triển qua một ngành đào tạo khác (Nghệ thuật kế toán doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Tin học quản lý...).

4.3. Phần kiến thức bổ trợ (nếu có) có thể được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được chọn lựa khá tự do liên quan đến một hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Quản trị kinh doanh nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

4.4. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh cần được phát triển theo hướng nhấn mạnh thực hành. Việc tổ chức các giờ thực hành để rèn luyện phương pháp, kỹ năng và gắn việc học tập với thực tiễn ngành được bố trí dưới các hình thức khác nhau (Thí dụ như: thảo luận lớp, thảo luận nhóm, tiểu luận, báo cáo tham luận vấn đề, báo cáo theo chủ đề, bài tập thực hành môn học, báo cáo thực tế môn học, phân tích tình huống kinh doanh và quản trị, nghe báo cáo của các nhà quản trị thực tế, tham gia nhóm dự án môn học, thực hành tại trường, thực hành một khâu tác nghiệp ở doanh nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp...).

4.5. Hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng ký quyết định ban hành các chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng để triển khai thực hiện trong phạm vi trường mình.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(đã ký)
Bành Tiến Long

PHỤ LỤC 7

DANH MỤC MỘT SỐ TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Stt	Tên tài liệu	Thông tin chung	Nội dung chính
1	Payment Technologies for E-commerce	Tác giả: Weidong Kou NXB: Springer Publisher	Cuốn sách giới thiệu về thanh toán trực tuyến, những vấn đề cơ bản về bảo mật trong TMĐT, hạ tầng khóa công khai, thẻ thông minh và những ứng dụng.v.v..
2	E-Commerce security and privacy	Tác giả: Anup K.Ghosh NXB: Kluwer Academic Publishers	Bằng việc phân tích các ví dụ minh họa cụ thể, cuốn sách là một tài liệu hữu ích giúp người đọc có được cái nhìn thực tế về vấn đề an toàn trong TMĐT. Đồng thời, tác giả cũng cung cấp một số chiến lược trong việc phát triển các chính sách về an toàn bảo mật trong TMĐT, cũng như giới thiệu một số thành tựu mới đạt được trong lĩnh vực này.
3	Building an business From the ground up	Tác giả: Elizabeth Eisner Reding NXB: McGraw- Hill, Irwin	Cuốn sách tập trung vào những nội dung cơ bản như cách mở một website, cách lập một kế hoạch kinh doanh, cách thiết kế và phát triển hoạt động của một website, cũng như cách tiến hành hoạt động kinh doanh.v.v..
4	E-business : Principle and strategies for accountants	Tác giả: Glover, Steven NXB: New Jersey : Prentice-Hall, 2001	Cuốn sách cung cấp khái niệm về TMĐT, cách thức thay đổi phương thức hoạt động thương mại trên Internet, đồng thời đưa ra một số mô hình TMĐT, phương pháp phát hiện và quản lý rủi ro trong hoạt động thương mại và vấn đề bảo hiểm trong TMĐT.v.v..
5	Electronic commerce 2010 – A managerial perspective	Tác giả: Efraim Turban David King Jae Lee Ting-Peng Liang Deborah C.Turban	Cuốn sách tập trung vào những nội dung cơ bản như sau: • Tổng quan về TMĐT • Dịch vụ bán lẻ trong TMĐT • TMĐT doanh nghiệp và doanh nghiệp

		NXB: Pearson Education, Inc., publishing Prentice Hall	• Các mô hình TMĐT khác và ứng dụng • Dịch vụ hỗ trợ trong TMĐT • Xây dựng chiến lược và triển khai TMĐT
6	Business information systems	Tác giả: Dave Chaffey và Steve Wood NXB: Prentice Hall	Cuốn sách nghiên cứu những vấn đề trong quản lý thông tin: Giới thiệu về quản lý thông tin, Phần mềm dành cho quản lý thông tin, Công nghệ cho quản lý thông tin, chiến lược quản lý thông tin, chiến lược quản lý tri thức, chiến lược hệ thống thông tin, phát triển hệ thống quản lý.v.v..
7	E-business and E-commerce management	Tác giả: Dave Chaffey NXB: Prentice Hall	Cuốn sách giới thiệu sơ lược về kinh doanh điện tử và TMĐT đồng thời cũng cung cấp những chiến lược kinh doanh điện tử, quản lý chuỗi cung ứng, quản lý quan hệ khách hàng...
8	E-commerce – Business, technology, society	Tác giả: Kenneth C.Laudon Carol Guercio Traver NXB: Prentice Hall 2009	Cuốn sách tập trung vào những nội dung cơ bản như sau: • Giới thiệu về TMĐT • Hạ tầng công nghệ phục vụ TMĐT • Nhận thức và các vấn đề xã hội về kinh doanh • Vận hành và triển khai TMĐT
9	E - Commerce in the Asian context	Tác giả: Renald Lafond Chaitali Sinha NXB: ISEAS Publications	Cuốn sách nghiên cứu điều tra về các vấn đề liên quan tới lĩnh vực TMĐT & xu hướng phát triển lĩnh vực TMĐT ở khu vực châu Á trong đó các vấn đề liên quan gồm: kinh tế, xã hội, phương pháp luận và an ninh.
10	Global Electronic Commerce	Tác giả: Catherine L. Mann,Sue E. Eckert,Sarah Cleeland Knight NXB: Institute for International Economics Washington, DC July 2000	Cuốn sách tập trung vào những nội dung cơ bản như tổng quan về TMĐT, cơ sở hạ tầng TMĐT cũng như đưa ra những cơ hội và thách thức đối khi ứng dụng TMĐT.